BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGHIÊM VIẾT HẢI (Tổng Chủ biên) – ĐOÀN CHÍ KIÊN (Chủ biên)
HOÀNG NGỌC BÌNH – DOÃN XUÂN HÙNG – HOÀNG QUỐC HUY
MAI ĐỨC KIÊN – DOÃN VĂN NGHĨA – THẨM HOÀNG TÚ

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Tái bản lần thứ ba, có chỉnh lí, bổ sung)

11

sach-giao-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hướng dẫn sử dụng sách

MỞ ĐẦU

Thực hiện hoạt động mở đầu sẽ giúp em hướng đến những điều cần tìm hiểu của bài học.

KHÁM PHÁ

Thực hiện hoạt động khám phá sẽ giúp em hình thành kiến thức mới, giải quyết vấn đề đặt ra của bài học.

LUYỆN TẬP

Thực hiện hoạt động luyện tập sẽ giúp em củng cố, rèn luyện các kiến thức, kĩ năng đã học.

VẬN DỤNG

Thực hiện hoạt động vận dụng sẽ giúp em giải quyết những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến kiến thức đã học.

Câu hỏi hoặc yêu cầu, giúp em kiểm tra để củng cố kiến thức vừa được khám phá.

Em có biết?

Thông tin mục này giúp em mở rộng hiểu biết về nội dung bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Mục lục

Bài	Tên bài	Trang
	Lời nói đầu	4
1	Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	5
2	Luật Nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của học sinh	11
3	Phòng chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế	19
4	Một số vấn đề về vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường	24
5	Kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	30
6	Giới thiệu một số loại súng bộ binh, thuốc nổ, vật cản và vũ khí tự tạo	36
7	Pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	46
8	Lợi dụng địa hình, địa vật	50
9	Nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo	54
10	Kĩ thuật sử dụng lựu đạn	59
	Bảng giải thích một số thuật ngữ	67

sach-giao-khoa.com

Lời nói đầu

Các em thân mến!

Sách giáo khoa *Giáo dục quốc phòng và an ninh 11* được biên soạn nhằm cụ thể hoá chương trình môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp Trung học phổ thông theo Thông tư số 46/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 24/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; là tài liệu chính thức, được sử dụng để giảng dạy môn học trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Sách gồm 10 bài học ở các chủ đề: Một số hiểu biết chung về quốc phòng và an ninh; kĩ thuật chiến đấu bộ binh; chiến thuật bộ binh; kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân. Nội dung sách bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình; bảo đảm tính kế thừa và hiện đại; thống nhất trên phạm vi toàn quốc, phù hợp với vùng miền và nhận thức của học sinh lớp 11; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học, hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù.

Mỗi bài học được thiết kế theo các hoạt động logic, khoa học, phù hợp với quy luật nhận thức, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nội dung các bài học được thể hiện hài hoà bằng kênh chữ và kênh hình. Ngôn ngữ được chọn lọc phù hợp với nhận thức của học sinh; hình ảnh thân thiện, trực quan, có tính giáo dục và thẩm mĩ cao, phù hợp với tâm lí của học sinh. Sách không chỉ giúp học sinh khám phá kiến thức mà còn bồi dưỡng khả năng tư duy, năng lực tự học suốt đời.

Chúc các em thành công!

CÁC TÁC GIẢ

Bài

1 BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được những nội dung cơ bản của Chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới;
* Nêu và phân tích được những nội dung cơ bản về chủ quyền lãnh thổ và biên giới quốc gia; những nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; Luật Biển Việt Nam; những khái niệm về biên giới và đường biên giới đất liền, trên biển, thềm lục địa, trên không, trong lòng đất, đặc biệt là chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam;
* Xác định và thực hiện được ý thức trách nhiệm của công dân trong quản lí, xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.

MỞ ĐẦU

Ngày 19/9/1954, trong buổi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong, Bác Hồ đã căn dặn: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Em hãy nêu ý nghĩa của câu nói đó.



Hình 1.1. Bác Hồ nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân Tiên phong tại Đền Giếng (Khu di tích lịch sử Đền Hùng), ngày 19/9/1954

KHÁM PHÁ

I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

1. Mục tiêu

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hoá và lợi ích quốc gia – dân tộc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỉ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Quan điểm

Giữ vững sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế – xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Phát huy mạnh mẽ nội lực là nhân tố quyết định; đồng thời, tranh thủ tối đa mọi thuận lợi từ bên ngoài.

Xây dựng sức mạnh tổng hợp của đất nước về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

Quán triệt đường lối độc lập, tự chủ; đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá.

Vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng: Những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kì thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của Nhà nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Chủ quyền lãnh thổ

"Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời". Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

2. Biên giới quốc gia

Luật Biên giới quốc gia năm 2003 (Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) quy định:

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo; trong đó, có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Biên giới quốc gia trên đất liền được hoạch định và đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới.

Biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các Điều ước quốc tế giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

Biên giới quốc gia trong lòng đất là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển xuống lòng đất.



Hình 1.2. Mốc quốc giới số 314 Việt Nam – Campuchia

Biên giới quốc gia trên không là mặt thẳng đứng từ biên giới quốc gia trên đất liền và biên giới quốc gia trên biển lên vùng trời.

Biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trong lòng đất và biên giới quốc gia trên không được xác định như thế nào?

3. Khu vực biên giới

Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền.

Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường giáp biển và đảo, quần đảo, đặc khu.

Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc biên giới quốc gia, có chiều rộng 10 km tính từ biên giới quốc gia trở vào.



Biển báo khu vực biên giới trên đất liền ở xã Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

4. Các hành vi bị nghiêm cấm

Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm thay đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới.

Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới.

Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia.

Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu.

Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ Nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.



Biển báo khu vực biên giới trên biển ở xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà

Hình 1.3

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN NĂM 1982 VÀ LUẬT BIỂN VIỆT NAM

1. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982

Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 được công bố vào ngày 10/12/1982 và chính thức có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, bao gồm 17 phần, 320 điều và 9 phụ lục. Đây là văn kiện pháp lí quan trọng, điều chỉnh quyền và nghĩa vụ cơ bản của các quốc gia trong sử dụng biển; quản lí và bảo tồn các tài nguyên biển.



Hình 1.4. Bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc tại đảo Song Tử Tây

tailieu.vn

Ngày 23/6/1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kì họp thứ năm đã thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Nghị quyết khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với nội thuỷ, lãnh hải, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, yêu cầu các nước tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam.

Cũng trong Nghị quyết này, Quốc hội tiếp tục khẳng định chủ quyền của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lí khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này. Đồng thời, Quốc hội chủ trương nhất quán giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên biển bằng biện pháp hoà bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (Theo Nghị quyết của Quốc hội ngày 23/6/1994 về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982).

Đảo Song Tử Tây thuộc quần đảo nào của nước ta?

2. Luật Biển Việt Nam

Luật Biển Việt Nam năm 2012 (Văn bản hợp nhất số 47/VBHN-VPQH ngày 25/03/2025) gồm 7 chương, 55 điều.

Luật Biển Việt Nam quy định về đường cơ sở, nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lí và bảo vệ biển, đảo.

Một số nội dung của Luật Biển Việt Nam:

Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Vùng biển quốc tế là tất cả các vùng biển nằm ngoài vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam và các quốc gia khác, nhưng không bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển.

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Chính phủ xác định và công bố đường cơ sở ở những khu vực chưa có đường cơ sở sau khi được Uỷ ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Nội thuỷ: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

sách-giáo-khoa.com

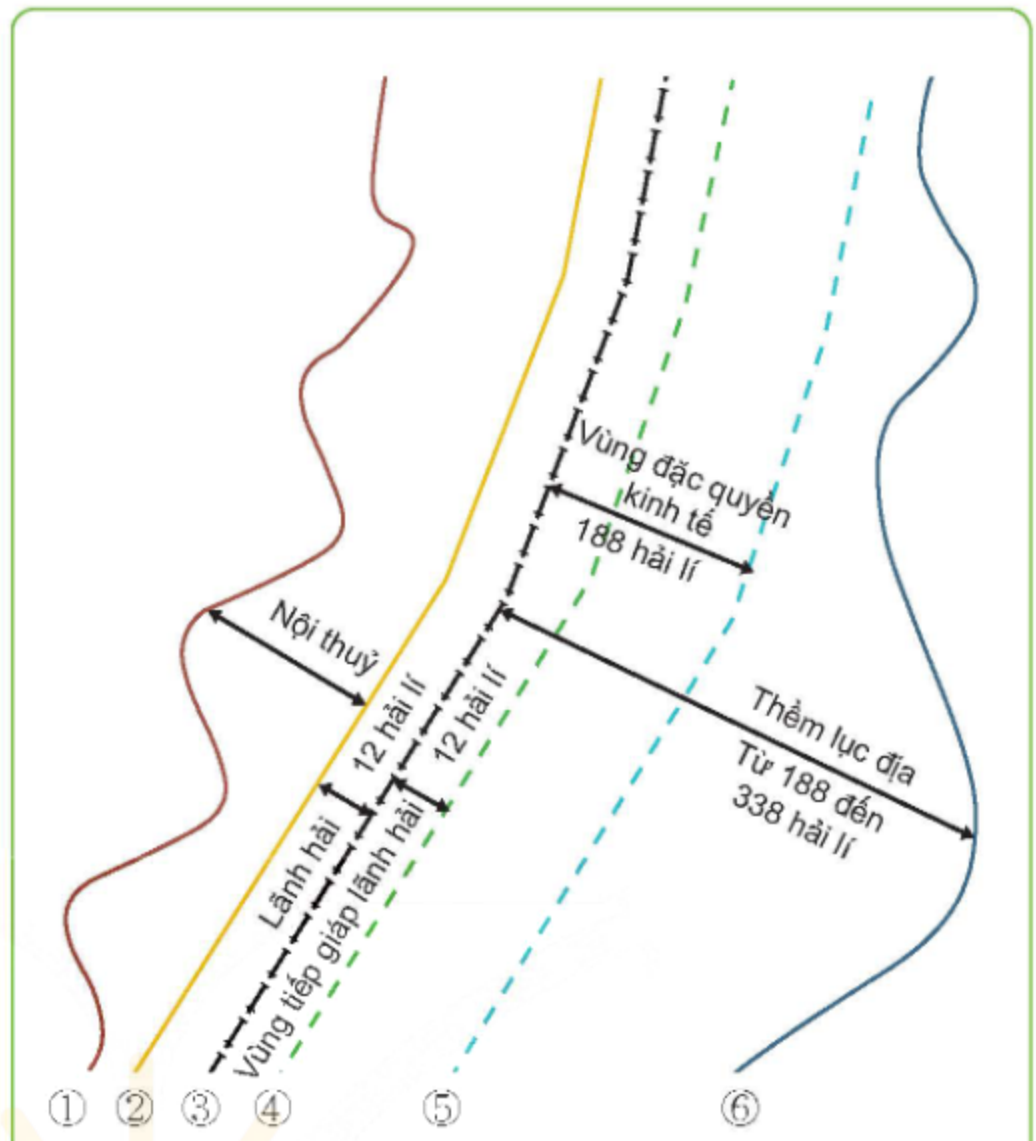
Lãnh hải: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Vùng tiếp giáp lãnh hải: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

Vùng đặc quyền kinh tế: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Thềm lục địa: Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Ranh giới ngoài thềm lục địa cách đường cơ sở không quá 350 hải lí.

Đảo: Là vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thuỷ triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.



① Đường bờ biển
② Đường cơ sở
③ Biên giới quốc gia trên biển
④ Ranh giới ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải
⑤ Ranh giới ngoài vùng đặc quyền kinh tế
⑥ Ranh giới ngoài thềm lục địa

Hình 1.5. Sơ đồ minh hoạ vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia Việt Nam

Quần đảo: Là một tập hợp các đảo, bao gồm cả bộ phận của các đảo, vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan chặt chẽ với nhau.

Em hãy vẽ sơ đồ minh hoạ vùng biển Việt Nam.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Trách nhiệm của công dân

Chủ động học tập, nghiên cứu nắm chắc và chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

sach-giao-khoa.com

Thường xuyên nêu cao ý thức trong quản lí, xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc khi cần.

Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; vận động người thân, gia đình, Nhân dân địa phương chấp hành nghiêm pháp luật; kịp thời báo cho chính quyền hoặc lực lượng chức năng gần nhất khi có những hành động xâm hại đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

2. Trách nhiệm của học sinh

Tích cực học tập, nâng cao nhận thức pháp luật về chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

Không làm những việc ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Thường xuyên tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia. Tự giác tham gia các hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền về chủ quyền biên giới quốc gia, biển, đảo do nhà trường, đoàn thanh niên và các cấp phát động.

Khi phát hiện những hành vi vi phạm chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia cần báo cáo kịp thời với nhà trường, chính quyền địa phương hoặc lực lượng chức năng gần nhất.

LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu, quan điểm của Đảng về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới là gì?
2. Theo Luật Biên giới quốc gia, những hành vi nào bị nghiêm cấm?
3. Nêu khái niệm đường cơ sở, nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, đảo và quần đảo.

VẬN DỤNG

1. Thái cùng các bạn trong lớp đi tham quan cột mốc biên giới. Một bạn trong lớp có ý định vượt mốc giới sang nước bạn để hái hoa rừng. Trong trường hợp này, Thái sẽ khuyên bạn như thế nào?
2. Sưu tầm một câu chuyện về tấm gương anh hùng lực lượng vũ trang trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bài

2 LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được những nội dung chính của Luật Nghĩa vụ quân sự; Nghị định của Chính phủ về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
* Biết đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự.

MỞ ĐẦU

Theo em, hình 2.1 thể hiện những hoạt động gì?



Hình 2.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 (Văn bản hợp nhất số 80/VBHN-VPQH ngày 20/8/2025) gồm 9 chương, 62 điều. Nội dung của Luật quy định về nghĩa vụ quân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chế độ, chính sách trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

sách-giáo-khoa.com

1. Nghĩa vụ quân sự của công dân

Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình: Dân quân thường trực có ít nhất 24 tháng phục vụ; hoàn thành nhiệm vụ tham gia công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên; cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên tốt nghiệp đại học trở lên, đã được đào tạo và phong quân hàm sĩ quan dự bị; thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp tình nguyện phục vụ tại đoàn kinh tế – quốc phòng từ đủ 24 tháng trở lên; công dân phục vụ trên tàu kiểm ngư từ đủ 24 tháng trở lên.

Nghĩa vụ quân sự là gì? Công dân phục vụ trong lực lượng Dân quân tự vệ có được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự không? Tại sao?

2. Đăng kí nghĩa vụ quân sự

Đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự: Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên. Công dân nữ đủ 18 tuổi trở lên (có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân).

Đối tượng miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự: Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mạn tính theo quy định của pháp luật.

Đối tượng không được đăng kí nghĩa vụ quân sự: Là công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

– Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế hoặc đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xoá án tích.

– Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã hoặc đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

– Bị tước quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự:

– Ban Chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự cho công dân cư trú tại địa phương;

– Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự cho công dân làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức.

Hồ sơ, thủ tục đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu:

– Hồ sơ: Phiếu tự khai sức khoẻ nghĩa vụ quân sự; bản chụp căn cước công dân hoặc thẻ căn cước.

– Thủ tục:

+ Tháng Một hằng năm, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa đăng kí nghĩa vụ quân sự.

+ Tháng Tư hằng năm, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định gọi công dân đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu.

+ Công dân phải đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự.



Hình 2.2. Đăng kí nghĩa vụ quân sự của công dân

Đối tượng nào được đăng kí, miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự?

3. Nhập ngũ

Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ: Công dân được gọi nhập ngũ khi có đầy đủ các điều kiện sau: Có lí lịch rõ ràng; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo quy định; có trình độ văn hoá phù hợp. Ngoài ra, các quân, binh chủng còn có các tiêu chuẩn tuyển chọn riêng.

Độ tuổi gọi nhập ngũ: Công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi, công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.



Hình 2.3. Thanh niên lên đường nhập ngũ

Thời hạn phục vụ tại ngũ:

– Trong thời bình, thời hạn phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng.

– Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không quá 06 tháng trong các trường hợp: Để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; Đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn.

– Trong tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thời hạn phục vụ được thực hiện theo lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ.

Các trường hợp công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ:

– Chưa đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo kết luận của hội đồng khám sức khoẻ.

– Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Uỷ ban nhân dân cấp xã xác nhận.

– Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%.

– Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

– Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 3 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định; cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông.

– Đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khoá đào tạo của một trình độ đào tạo; dân quân thường trực.

Các trường hợp công dân được miễn gọi nhập ngũ:

– Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một; một anh hoặc một em trai của liệt sĩ.

– Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

– Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân.

– Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

Gia đình Dũng có hai mẹ con, mẹ Dũng mắc bệnh hiểm nghèo không còn khả năng lao động. Theo Luật Nghĩa vụ quân sự, Dũng có được miễn gọi nhập ngũ không? Vì sao?

4. Một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian phục vụ tại ngũ: Được bảo đảm kịp thời, đủ số lượng, đúng chất lượng về lương thực, thực phẩm, quân trang, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; được bảo đảm chỗ ở, phụ cấp hằng tháng và một số chế độ đãi ngộ khác.

Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ: Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ. Trước khi nhập ngũ, đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó; được trợ cấp tạo việc làm,...

Đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ: Bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng; người nuôi dưỡng hợp pháp; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hợp pháp được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, trợ cấp khó khăn,...

5. Các hành vi bị nghiêm cấm và xử lí vi phạm hành chính

a) Các hành vi bị nghiêm cấm

- Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- Gian dối trong khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự.
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự.
- Sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật.
- Xâm phạm thân thể, sức khoẻ; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của hạ sĩ quan, binh sĩ.

b) Xử lí vi phạm hành chính

Nghị định số 218/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu như sau:

- Phạt cảnh cáo đối với hành vi không đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với công dân nam đủ 17 tuổi trong năm thuộc diện phải đăng kí nghĩa vụ quân sự.
- Phạt tiền từ 8 000 000 đồng đến 10 000 000 đồng đối với hành vi tái phạm không đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu.
- Phạt tiền từ 3 000 000 đồng đến 5 000 000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm tập trung sơ tuyển ghi trong quyết định gọi sơ tuyển sức khoẻ thực hiện nghĩa vụ quân sự của cấp có thẩm quyền mà không có lí do chính đáng.
- Phạt tiền từ 5 000 000 đồng đến 8 000 000 đồng đối với hành vi không nhận quyết định gọi sơ tuyển sức khoẻ nghĩa vụ quân sự của cấp có thẩm quyền mà không có lí do chính đáng.

- Phạt tiền từ 15 000 000 đồng đến 20 000 000 đồng đối với hành vi không có mặt đúng thời gian hoặc địa điểm khám sức khoẻ ghi trong quyết định gọi khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự của cấp có thẩm quyền mà không có lí do chính đáng.
- Phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 30 000 000 đồng đối với hành vi không nhận quyết định gọi khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự của cấp có thẩm quyền mà không có lí do chính đáng.
- Phạt tiền từ 30 000 000 đồng đến 40 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Người được khám sức khoẻ có hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khoẻ của mình nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự;
+ Đưa hoặc nhận tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất khác trị giá đến dưới 2 000 000 đồng cho cán bộ, nhân viên y tế hoặc người khác để làm sai lệch kết quả phân loại sức khoẻ của người được kiểm tra hoặc người được khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

- Phạt tiền từ 50 000 000 đồng đến 75 000 000 đồng đối với hành vi không chấp hành quyết định gọi kiểm tra, khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23/8/2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP) gồm 4 chương, 19 điều. Nội dung Nghị định quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục tuyển chọn và chế độ, chính sách, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

1. Đối tượng tuyển chọn

- Công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự. Công dân nữ trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng kí nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể độ tuổi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với tính chất, đặc điểm của từng đơn vị sử dụng và quy định ngành, nghề cần thiết để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phù hợp với nhu cầu sử dụng trong từng thời kì.

Mọi công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ đều là đối tượng tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân có đúng không? Vì sao?

2. Tiêu chuẩn tuyển chọn

– Có lí lịch rõ ràng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, quản chế, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; có phẩm chất, đạo đức tư cách tốt, được quần chúng nhân dân nơi cư trú hoặc nơi học tập, công tác tín nhiệm.



Hình 2.4. Thanh niên thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

– Bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ nghĩa vụ trong Công an nhân dân.

– Có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Các xã miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn được tuyển công dân có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở.

– Thể hình cân đối, không dị hình, dị dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn sức khoẻ để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Để được thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, mọi công dân phải có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên. Theo em, ý kiến đó có đúng không? Vì sao?

3. Hồ sơ, trình tự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Hồ sơ tuyển chọn: Công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân nộp cho Công an cấp xã nơi công dân có hộ khẩu thường trú các giấy tờ sau:

– Tờ khai đăng kí thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang công tác, học tập).

– Giấy chứng nhận đăng kí nghĩa vụ quân sự.

Trình tự tuyển chọn: Việc tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thực hiện theo các bước như sau:

– Công an cấp xã căn cứ số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được giao trên địa bàn cấp xã, tiến hành:

+ Tham mưu với Uỷ ban nhân dân cùng cấp tổ chức thông báo, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại trụ sở công an, Uỷ ban nhân dân cấp xã về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng kí dự tuyển ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày thông báo;

+ Tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng kí dự tuyển và tổ chức sơ tuyển (chiều cao, cân nặng, hình thể); báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ) của những trường hợp đạt yêu cầu qua sơ tuyển về Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã (qua Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã). Đồng thời báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh.

– Tiến hành tuyển chọn và gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, như sau:

+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định gọi khám sức khoẻ và quyết định này phải được giao cho công dân trước thời điểm khám sức khoẻ 15 ngày;

+ Công an cấp xã tổ chức thẩm tra lí lịch, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với những trường hợp đạt tiêu chuẩn sức khoẻ theo kết luận của Hội đồng khám sức khoẻ;

+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

+ Căn cứ danh sách công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định gọi từng công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ VÀ NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của công dân

– Chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

+ Khi có lệnh gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự phải đến đúng thời gian, địa điểm và thực hiện đăng kí nghĩa vụ quân sự. Khi thay đổi hoặc rời khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập phải đến cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự làm các thủ tục theo quy định.

+ Chấp hành nghiêm lệnh khám tuyển; có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ, quyết định gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Trường hợp không đến đúng thời gian, phải có giấy chứng nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

– Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh chấp hành nghiêm các quy định về đăng kí và thực hiện nghĩa vụ quân sự; thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

– Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với các biểu hiện ngại khó, ngại khổ, các thông tin sai lệch về thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; các hành vi vi phạm quy định về đăng kí, khám tuyển và thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Em có biết?

Trong thời gian phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ, hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được hưởng các chế độ, chính sách quy định như đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong Quân đội nhân dân.

Khi hết thời hạn phục vụ tại ngũ có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu sử dụng của Công an nhân dân, nếu tự nguyện và Công an nhân dân có nhu cầu thì được xét chuyển sang chế độ phục vụ chuyên nghiệp.

Xử lí vi phạm hành chính trong thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tương tự như xử lí vi phạm hành chính trong thực hiện nghĩa vụ quân sự.

sách-giáo-khoa.com

2. Trách nhiệm của học sinh

- Chấp hành nghiêm trách nhiệm của một công dân đối với các nội dung phù hợp với lứa tuổi học sinh trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; tích cực học tập các nội dung chính trị, quân sự trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh ở các nhà trường theo quy định.
- Tích cực tham gia các hoạt động trong nhà trường và ở địa phương nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.
- Đấu tranh với những biểu hiện và hành vi không đúng về thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy đọc thông tin dưới đây, sau đó đưa ra suy nghĩ của mình về Hùng và mẹ của Hùng.

Gia đình Hùng có hai mẹ con, bố Hùng là liệt sĩ. Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, Hùng xin phép mẹ viết đơn tình nguyện nhập ngũ với mong muốn được tham gia vào quân đội, không chỉ để tiếp tục ước mơ theo con đường binh nghiệp của bố, mà còn là nghĩa vụ của người công dân, là niềm vinh dự, tự hào của mỗi người thanh niên khi góp một phần công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi Hùng bày tỏ ý muốn tham gia nghĩa vụ quân sự, mặc dù gia đình neo người, hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, vất vả nhưng mẹ Hùng rất vui và tự hào vì Hùng đã thực sự khôn lớn, trưởng thành. Mẹ động viên Hùng phát huy truyền thống quê hương, gia đình để yên tâm lên đường nhập ngũ, hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng của mình với Tổ quốc.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu của công dân được quy định như thế nào?
3. Hồ sơ, trình tự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được quy định như thế nào?
4. Trình bày trách nhiệm của học sinh trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

VẬN DỤNG

1. Em thấy mình đã đạt được những tiêu chuẩn nào để tham gia nghĩa vụ quân sự (nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân)? Nếu muốn trở thành người chiến sĩ trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân, em phải làm gì?
2. Em hãy chuẩn bị nội dung và thuyết trình trước lớp về đối tượng, độ tuổi đăng kí nghĩa vụ quân sự.

sach-giao-khoa.com

Bài

3 PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được một số loại hình tội phạm và tệ nạn xã hội; hình thức, cách thức hoạt động của các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam trong thời kì hội nhập quốc tế;
* Nêu được quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;
* Tích cực, chủ động thực hiện trách nhiệm của công dân trong thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao;
* Tuyên truyền các biện pháp phòng, chống không để các đối tượng phạm tội móc nối, lôi kéo bản thân và gia đình vi phạm pháp luật.

MỞ ĐẦU

1. Kể tên một số thủ đoạn của tội phạm lừa đảo trên không gian mạng mà em biết.
2. Em hãy cho biết tác hại của một số loại tệ nạn xã hội ở nước ta hiện nay.

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ TỘI PHẠM

1. Khái niệm tội phạm

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lí hình sự.



Hình 3.1. Đối tượng thực hiện hành vi phạm tội sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật

2. Một số loại tội phạm

Một số loại tội phạm hiện nay như giết người, cố ý gây thương tích, cướp tài sản, trộm cắp tài sản, mua bán trái phép chất ma tuý, tổ chức đua xe trái phép, đánh bạc, tổ chức đánh bạc,...

3. Cách thức hoạt động phổ biến của các loại tội phạm

Cấu kết thành các băng nhóm, tổ chức để hoạt động.

Sử dụng vũ khí, công cụ, phương tiện trong hoạt động phạm tội.

Hoạt động mang tính lưu động trên phạm vi nhiều tỉnh, thành phố, xuyên quốc gia và có tính chất quốc tế.

Sử dụng công nghệ cao trong quá trình hoạt động phạm tội.



Hình 3.2. Các đối tượng phạm tội có sử dụng vũ khí

II. PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1. Khái niệm tội phạm sử dụng công nghệ cao

Tội phạm sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kĩ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lí, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân và theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lí hình sự.

2. Một số hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng.

Đánh bạc, tổ chức đánh bạc trên không gian mạng.

Môi giới mại dâm trên không gian mạng.

Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi mua bán người, buôn bán hàng giả, hàng cấm.

Lợi dụng các quyền tự do, dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Hình 3.3. Một số thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng

Hãy trình bày về những tội phạm sử dụng công nghệ cao khác mà em biết.

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao

MỘT SỐ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀ BỊ NGHIÊM CẤM THỰC HIỆN

1. Sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng, cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.
2. Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.
3. Cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.
4. Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.
5. Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.
6. Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.
7. Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hoá trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.
8. Sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.

III. PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Khái niệm tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội tiêu cực, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội.

2. Một số loại tệ nạn xã hội

Tệ nạn ma tuý là tình trạng một (hoặc nhiều) người sử dụng trái phép chất ma tuý, nghiện ma tuý và các hành vi vi phạm pháp luật về ma tuý mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hình thức sử dụng ma tuý chủ yếu là hút, hít, tiêm chích thuốc phiện, heroin và các loại ma tuý khác.

Tệ nạn mại dâm bao gồm những hành vi nhằm thực hiện các dịch vụ quan hệ tình dục có tính chất mua bán trên cơ sở một giá trị vật chất nhất định ngoài phạm vi hôn nhân. Một số hành vi liên quan đến tệ nạn mại dâm như bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,...

Tệ nạn cờ bạc bao gồm các hành vi lợi dụng các hình thức vui chơi, giải trí để cá cược, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Tệ nạn cờ bạc thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...

Tệ nạn mê tín dị đoan bao gồm các hành vi biểu hiện thái quá lòng tin mù quáng vào những điều huyền bí, không có thật, từ đó có những suy đoán khác thường, dẫn đến cách ứng xử mang tính chất cuồng tín, hành động trái với những chuẩn mực của xã hội, không phù hợp với quy luật tự nhiên. Một số hành vi mê tín, dị đoan như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,...

Tệ nạn xã hội có thể được thực hiện và lan truyền trên mạng xã hội hay không? Vì sao?

3. Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

Đối với tệ nạn mại dâm: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Bán dâm, mua dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới mại dâm, bảo kê mại dâm,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến hoạt động mại dâm.

Đối với tệ nạn cờ bạc: Nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Đánh bạc trái phép (mua bán số lô, số đề, cá độ bóng đá,...), tổ chức đánh bạc, gá bạc,... và các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tệ nạn cờ bạc.

Đối với tệ nạn mê tín dị đoan: Pháp luật nghiêm cấm thực hiện một số hành vi: Hoạt động mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi như bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,...); hành nghề mê tín dị đoan (người thực hiện các hành vi bói toán, đồng bóng, yểm bùa, cúng giải hạn, cúng trừ tà ma,... để kiếm tiền).

Hãy kể tên các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội mà em biết.

IV. TRÁCH NHIỆM TRONG PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM, TỆ NẠN XÃ HỘI VÀ TỘI PHẠM SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM

1. Trách nhiệm chung của công dân

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng. Trong đó, có các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

2. Trách nhiệm của học sinh

Học sinh cần chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về trách nhiệm của công dân trong phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao. Ngoài ra, học sinh cần học tập và thực hiện nghiêm một số quy định sau:



Hình 3.4. Học sinh tham gia học tập nâng cao nhận thức pháp luật

- Không tham gia các tệ nạn xã hội và hoạt động phạm tội sử dụng công nghệ cao dưới bất kì hình thức nào ở nơi sống, học tập và trên không gian mạng.
- Không chia sẻ những thông tin trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng.
- Thường xuyên học tập, nâng cao nhận thức về phòng chống các loại tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung và tội phạm sử dụng công nghệ cao nói riêng do nhà trường và các cơ quan, lực lượng chức năng tổ chức.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm sử dụng công nghệ cao theo hướng dẫn của nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan nhà nước.
- Tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tội phạm sử dụng công nghệ cao.

LUYỆN TẬP

1. Kể tên các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.
2. Trình bày trách nhiệm của học sinh trong phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

VẬN DỤNG

Trình bày cách giải quyết của em khi gặp các tình huống sau:

1. Em phát hiện dấu hiệu tuyên truyền văn hoá phẩm đồi truỵ khi tham gia vào các nhóm trên mạng xã hội.
2. Khi em bị người khác lôi kéo tham gia tệ nạn cờ bạc, ma tuý.

Em có biết?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Văn bản hợp nhất số 135/VBHN-VPQH ngày 05/9/2025), người nào đánh bạc trái phép dưới bất kì hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có thể bị phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 100 000 000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Bài

4 MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được nội dung cơ bản, ý nghĩa của môi trường trong pháp luật bảo vệ môi trường; an ninh môi trường (đất, nước, không khí,...), vấn đề biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do,...
* Biết cách tuyên truyền, phối hợp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

MỞ ĐẦU

Quan sát hình 4.1 và cho biết: Hành động nào góp phần bảo vệ môi trường, hành động nào vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.



Hình 4.1

KHÁM PHÁ

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu

a) Môi trường và các trạng thái môi trường

- Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, sinh vật, âm thanh, ánh sáng và các hình thái vật chất khác (Điều 3 Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH Luật Bảo vệ môi trường).

- Môi trường có vai trò rất quan trọng đối với con người, sinh vật sống trên Trái Đất như cung cấp không gian sống; cung cấp nguồn tài nguyên để con người lao động, sản xuất; là nơi chứa đựng và phân huỷ chất thải, đồng thời lưu giữ lịch sử tiến hoá của con người và sinh vật,...

- Các trạng thái môi trường:

+ Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lí, hoá học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kĩ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các loại ô nhiễm môi trường bao gồm ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm môi trường không khí (Hình 4.2),...

+ Suy thoái môi trường là sự suy giảm về số lượng, chất lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên. Các vấn đề suy thoái môi trường hiện nay như suy thoái rừng, suy thoái đất, suy giảm đa dạng sinh học,...

+ Sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc do biến đổi bất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng.

- Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường hay xảy ra sự cố môi trường là do các nguyên nhân từ tự nhiên (bão, lũ lụt, hạn hán, núi lửa phun trào,...) nhưng chủ yếu là do các hoạt động của con người gây ra có tác động tiêu cực đến môi trường từ quá trình sinh hoạt; sản xuất, kinh doanh, vận chuyển hàng hoá; khai thác tài nguyên, môi trường quá mức;...



Ô nhiễm môi trường không khí Ô nhiễm môi trường nước Ô nhiễm môi trường đất

Hình 4.2. Một số loại ô nhiễm môi trường

Theo em, môi trường bao gồm những thành phần nào? Nêu vai trò của môi trường đối với con người.

b) An ninh môi trường và các vấn đề môi trường toàn cầu

- An ninh môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên, nhân tạo cấu thành nên môi trường được cân bằng để đảm bảo điều kiện sống và phát triển của con người cùng các loài sinh vật trong hệ thống đó. Các vấn đề an ninh môi trường hiện nay đang được quan tâm là đảm bảo an ninh nguồn nước, chất lượng không khí, sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học,...

- Các vấn đề môi trường toàn cầu:

+ *Biến đổi khí hậu* là sự thay đổi các thành phần của khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, áp suất khí quyển,...) so với trung bình hoặc dao động của khí hậu được duy trì trong một thời gian dài, thường là vài thập kỉ hoặc dài hơn. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu là nhiệt độ trung bình trên Trái Đất tăng, hiện tượng băng tan, nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán, suy giảm đa dạng sinh học,...

Các tác động của biến đổi khí hậu là một trong những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường nghiêm trọng; gây thiệt hại đến tính mạng, sức khoẻ của con người,

thiệt hại về kinh tế, xã hội. Ngoài ra, biến đổi khí hậu còn tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề khác như gây mất an ninh lương thực, thiên tai (cháy rừng, lũ lụt, hạn hán,...), dịch bệnh, vấn đề di cư tự do, xung đột vũ trang,...

+ *An ninh lương thực* là việc con người có quyền tiếp cận thực phẩm một cách an toàn, đầy đủ ở mọi nơi để duy trì cuộc sống. Các vấn đề môi trường như suy thoái đất, ô nhiễm nguồn nước, không khí, suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, gia tăng dân số,... đang tác động tiêu cực đến an ninh lương thực ở mỗi quốc gia. Do đó, việc đảm bảo an ninh lương thực đang là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà mọi quốc gia trên thế giới đều rất quan tâm.
+ *Thiên tai* là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội. Các thiệt hại do thiên tai gây ra như làm ô nhiễm, suy thoái môi trường; phá huỷ các công trình xây dựng như nhà ở, hệ thống cầu đường, thuỷ lợi,... và ảnh hưởng đến an ninh môi trường.
+ *Dịch bệnh* là sự lây lan nhanh chóng của một bệnh truyền nhiễm với số lượng lớn những người bị nhiễm trong một cộng đồng, một khu vực hoặc toàn thế giới trong một khoảng thời gian nhất định, thường từ hai tuần trở lên. Hiện nay có nhiều loại dịch bệnh (bệnh truyền nhiễm) đã được công bố rộng rãi trên thế giới cũng như ở các quốc gia, khu vực khác nhau như cúm mùa, đậu mùa, dịch tả, dịch hạch,... Các loại dịch bệnh được công bố đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các vấn đề như ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường,...
+ *Di cư tự do* là hiện tượng con người rời bỏ nơi cư trú của mình một cách tự do đến một khu vực, địa điểm khác để sinh sống. Việc di cư tự do có thể xuất phát từ các yếu tố về tập quán du canh du cư, chiến tranh xung đột, đói nghèo,... Hiện nay, vấn đề di cư tự do còn có nguyên nhân từ những biến đổi về môi trường như các vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng, các thiên tai như hạn hán, lũ lụt, nước biển dâng,... làm cho điều kiện sống của con người ở khu vực đó không đảm bảo và phải di chuyển đến khu vực, địa điểm khác để sinh sống.



Hình 4.3

Quan sát hình 4.3, em có nhận xét gì về thực trạng các vấn đề môi trường toàn cầu hiện nay.

2. Bảo vệ môi trường

a) Khái niệm

Bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu (Điều 3 Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH Luật Bảo vệ môi trường).

b) Các hoạt động bảo vệ môi trường

- *Bảo vệ môi trường đất.*

Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án và các hoạt động khác có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất, có giải pháp phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường đất.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường đất thuộc về các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân sử dụng đất; xử lí, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra.

- *Bảo vệ môi trường nước (nước mặt, nước ngầm (nước dưới đất), nước biển).*

Để bảo vệ môi trường nước cần kiểm soát các nguồn chất thải vào môi trường nước; xử lí, cải tạo và phục hồi môi trường nước bị ô nhiễm; có biện pháp ngăn ngừa, kiểm tra, xử lí các hành vi gây ô nhiễm môi trường nước; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn nước, nhất là nước mặt và nước ngầm,... Trách nhiệm bảo vệ môi trường nước thuộc về cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- *Bảo vệ môi trường không khí.*

Tiến hành quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật; tình trạng ô nhiễm môi trường không khí phải được thông báo và cảnh báo kịp thời, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ cộng đồng.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lí theo quy định của pháp luật.

- *Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.*

Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh. Trách nhiệm bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên thuộc về các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

II. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

a) Một số hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường

Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kĩ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lí đạt quy chuẩn kĩ thuật môi trường ra môi trường.

Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, virus độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên.

Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kĩ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khoẻ con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kĩ thuật môi trường.

Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ozone theo quy định của Điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ozone mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Xử lí vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật.

Xử lí hình sự đối với tội phạm về môi trường được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Một số biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Không thực hiện hoặc tham gia thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Tích cực tham gia phòng, chống các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

- *Nêu các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường.*
- *Cá nhân hoặc tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lí như thế nào?*

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường

a) Trách nhiệm của công dân

Bảo vệ môi trường Trái Đất là trách nhiệm của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức và mọi công dân sống trên Trái Đất mà không phân biệt chế độ chính trị, tôn giáo, dân tộc hay vị trí địa lí (Hình 4.4). Theo đó, công dân có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai, dịch bệnh; tham gia các hoạt động thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.



Hình 4.4. Chung tay bảo vệ môi trường Trái Đất

- Chủ động phát hiện, tố giác các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp cung cấp các thông tin cho cơ quan chức năng trong việc phát hiện, ngăn chặn điều tra, xử lí các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Trách nhiệm của học sinh

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ môi trường.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường, nơi cư trú (khu dân cư, tổ dân phố,...) hoặc các tổ chức đoàn thể khác phát động.
- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên, tích cực tuyên truyền, vận động người thân, gia đình và cộng đồng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.
- Phản ánh, thông tin với thầy, cô giáo, nhà trường và cơ quan chức năng biết các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường để có biện pháp phòng, chống phù hợp.



Hình 4.5. Các bạn học sinh đang quét dọn vệ sinh

Là học sinh trong nhà trường, em cần làm những công việc gì để bảo vệ môi trường?

LUYỆN TẬP

1. Liệt kê các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay.
2. Em hiểu thế nào là khí nhà kính? Hãy kể tên các loại khí nhà kính mà em biết.
3. Nêu các nguyên nhân của vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay. Theo em, nguyên nhân nào là chủ yếu? Vì sao?

VẬN DỤNG

1. Từ vấn đề ô nhiễm môi trường hoặc suy thoái môi trường tại khu dân cư (tổ dân phố) nơi sinh sống, em hãy tìm kiếm, thu thập các hình ảnh, bài viết, video phản ánh, minh hoạ về vấn đề đó.
2. Em hãy lựa chọn, xây dựng một ý tưởng tuyên truyền về bảo vệ môi trường và cùng các bạn trong lớp (nhóm) thực hiện theo ý tưởng tuyên truyền đó.

Bài

5 KIẾN THỨC PHỔ THÔNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

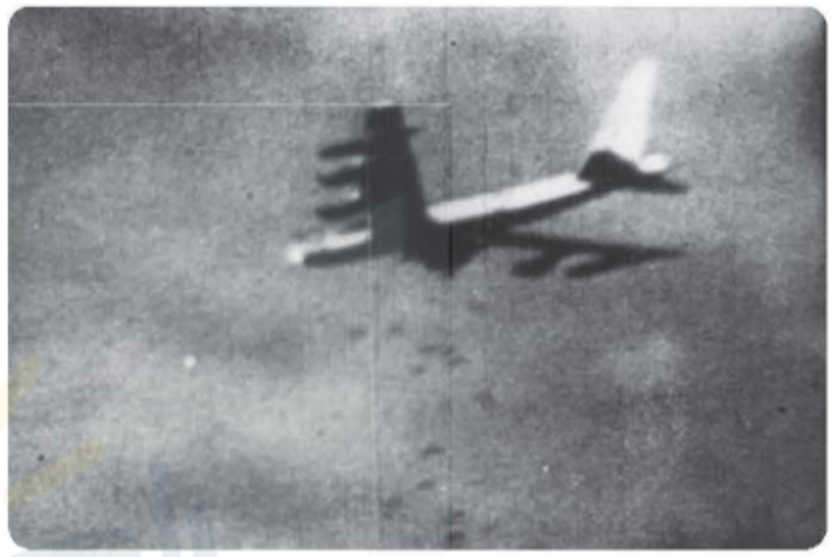
Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được những kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân, phương thức tiến công, sự phá hoại của kẻ thù bằng đường không;
* Biết cách phòng, tránh khi bị kẻ thù tiến công bằng đường không.

MỞ ĐẦU

Tháng 12/1972, Mỹ sử dụng máy bay B-52 đánh phá ác liệt vào Hà Nội (Hình 5.1). Khi đó, người dân thường nghe thấy trên loa truyền thanh phát ra thông báo: "... máy bay địch cách Hà Nội 70 km, đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 50 km...".

Theo em, khi nghe thấy thông báo trên, người dân sẽ làm gì?



Hình 5.1. Máy bay B-52 của Mỹ đánh phá Hà Nội (tháng 12/1972)

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Một số khái niệm

a) Phòng không nhân dân

Phòng không nhân dân là hoạt động của toàn dân do bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ và quân nhân dự bị làm nòng cốt, cùng với phòng không quốc gia, phòng không lục quân và các lực lượng khác chuẩn bị, ngăn ngừa, phòng tránh, đánh địch, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không trong khu vực phòng thủ, quản lí, bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc (Điều 2 Văn bản hợp nhất số 79/VBHN-VPQH Luật Phòng không nhân dân).

b) Công trình phòng không nhân dân

Công trình phòng không nhân dân là công trình xây dựng, địa hình, địa vật tự nhiên được xác định, cải tạo để phục vụ cho mục đích chuẩn bị, ngăn ngừa, phòng tránh, đánh địch, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không trong khu vực phòng thủ (Điều 2 Văn bản hợp nhất số 79/VBHN-VPQH Luật Phòng không nhân dân).

Thế nào là phòng không nhân dân, công trình phòng không nhân dân?

sách-giáo-khoa.com

2. Vị trí, chức năng và lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân

a) Vị trí, chức năng

Phòng không nhân dân là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thế trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh trả và khắc phục hậu quả của các hành động xâm nhập, tiến công đường không của địch; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của Nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

b) Lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân

Lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân gồm lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi, có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phòng, chống địch đột nhập, tiến công đường không; phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân.

Lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân có nhiệm vụ gì?

II. MỤC TIÊU, THỦ ĐOẠN TIẾN CÔNG ĐƯỜNG KHÔNG CỦA ĐỊCH

1. Mục tiêu

Khi tiến công đường không, địch thường tập trung đánh phá vào các mục tiêu sau:

- Trụ sở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ.
- Bộ chỉ huy tác chiến chiến lược, chiến dịch.
- Đài phát thanh, truyền hình, trung tâm thông tin viễn thông.
- Khu công nghiệp quốc phòng và công nghiệp lớn, các nhà máy, đầu mối giao thông, sân bay, bến cảng, kho tàng, cơ sở hậu cần, kĩ thuật.
- Lực lượng phòng không, không quân, hải quân, các khu vực tập trung quân và binh khí, trang bị của ta.

2. Thủ đoạn

Tăng cường hoạt động tình báo, trinh sát; bí mật, bất ngờ thời điểm mở đầu tiến công.

Tiến công từ nhiều hướng, tiến hành đánh phá đồng loạt, liên tục, ác liệt cả ngày và đêm, tập trung lực lượng, phương tiện vào các chiến dịch tiến công hoả lực đường không.

Giành và giữ quyền làm chủ trên không, trên biển; tiêu diệt, phá huỷ tiềm lực quốc phòng của ta.

Phối hợp với chiến tranh tâm lí và các hoạt động khác.

Địch thường tập trung đánh phá đường không vào những mục tiêu nào? Thủ đoạn ra sao?

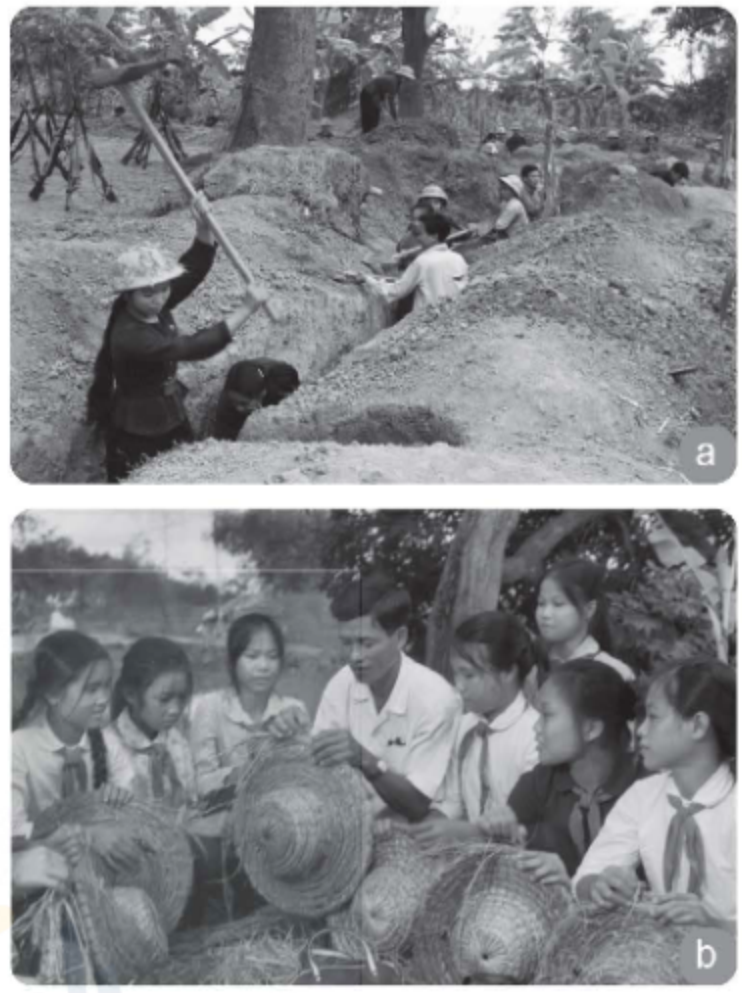
III. HOẠT ĐỘNG PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Hoạt động phòng không nhân dân thời bình

a) Xây dựng kế hoạch, công trình phòng không nhân dân

Kế hoạch phòng không nhân dân được xây dựng từ thời bình và được luyện tập thường xuyên, sẵn sàng đối phó với mọi thủ đoạn tiến công đường không của địch.

Xây dựng công trình phòng không nhân dân chuyên dụng và lưỡng dụng như: hệ thống đài quan sát, trinh sát, hầm trú ẩn, hào cơ động, vị trí sơ tán, trận địa phòng không,... nhằm kịp thời phát hiện, thông báo, báo động, sơ tán khẩn cấp, bảo đảm an toàn và sẵn sàng nổ súng khi địch đột nhập, tiến công đường không. Ngoài ra, các công trình khác có công năng sử dụng cho phòng không nhân dân được xác định là công trình phòng không nhân dân.



Hình 5.2 (a, b). Đào hào và đan mũ rơm phòng, tránh địch đánh bom trong kháng chiến chống Mỹ (1972)

b) Tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân

Tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng không nhân dân cho tất cả các đối tượng, tầng lớp nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên trong các nhà trường. Tập trung vào các nội dung: thủ đoạn đánh phá và phương tiện tiến công đường không của địch; tín hiệu thông báo, báo động phòng không nhân dân; quy cách hầm, hố cho cá nhân và tập thể; biện pháp nguỵ trang, phòng tránh, sơ tán; phương pháp xử trí tình huống cứu thương, cứu sập, chữa cháy và phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn.

Ngoài ra, hoạt động phòng không nhân dân trong thời bình còn tập trung xây dựng lực lượng, thế trận, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao và các nội dung khác về phòng không nhân dân.



Hình 5.3. Những hình ảnh tư liệu được trưng bày triển lãm kỉ niệm 48 năm chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" (12/1972 – 12/2020)

Trình bày các nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình.

2. Hoạt động phòng không nhân dân thời chiến

Thực hiện đầy đủ các nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời bình và tập trung vào các nội dung sau:

a) Trinh sát, quan sát và thông báo, báo động phòng không nhân dân

Các vọng quan sát phòng không (trên đỉnh núi, nhà cao tầng,...) thường xuyên quan sát, nhằm phát hiện địch tiến công từ sớm, từ xa; kịp thời thông báo, báo động về hướng đánh phá, số lượng, phương tiện,... tiến công đường không của địch. Chủ động thông báo, báo động kịp thời, rộng khắp bằng hệ thống đài phát thanh, truyền thanh, còi điện, kẻng, loa,... được bố trí trên khắp các trục đường, khu công cộng; các nhà máy, công trình.

Khi nghe thông báo, báo động địch tiến công đường không, mọi người nhanh chóng ẩn nấp để bảo đảm an toàn, hạn chế tổn thất khi địch đánh phá.



Hình 5.4. Học sinh nhanh chóng vào hầm tránh bom khi có báo động phòng không

b) Sơ tán, phân tán phòng, tránh tiến công đường không của địch

Sơ tán, phân tán thời gian dài đến khi tình hình ổn định: Thực hiện đối với trẻ em, người già yếu, phụ nữ mang thai ở vùng trọng điểm phòng không, những người không nhất thiết phải ở lại. Các cơ quan, nhà máy, doanh nghiệp dời đi nhưng vẫn đảm bảo hoạt động bình thường.

Sơ tán, phân tán trong tình huống khẩn cấp: Thực hiện đối với các khu vực có nguy cơ địch tập trung đánh phá; người, phương tiện của các nhà máy, doanh nghiệp phải sơ tán, tiếp tục sản xuất để bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng và nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân.

Sơ tán, phân tán tại chỗ: Áp dụng đối với lực lượng bám trụ ở những địa bàn trọng điểm về phòng không nhân dân để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đánh trả và khắc phục hậu quả do địch tiến công hoả lực đường không gây nên.



Hình 5.5. Phụ nữ, trẻ em và người già tạm thời rời Thủ đô đi sơ tán trong những ngày máy bay Mỹ đánh phá ác liệt, cuối tháng 12/1972

c) Đánh địch tiến công đường không

Toàn dân tham gia đánh địch trên không, trong đó các đơn vị súng máy phòng không các lực lượng kết hợp với các tổ bắn máy bay bay thấp bằng súng bộ binh ở các làng, xã, nhà máy, công trình tạo nên lưới lửa phòng không dày đặc.



Hình 5.6. Lực lượng pháo phòng không nổ súng quyết liệt đánh trả máy bay giặc Mỹ, bảo vệ Hà Nội (tháng 12/1972)

Khi máy bay bị bắn rơi hoặc giặc lái nhảy dù, lập tức phát tín hiệu vây bắt giặc lái bằng các phương tiện sẵn có (gõ mõ, gõ kẻng,...); mọi người dân đều tham gia vây bắt giặc lái.

d) Khắc phục hậu quả do địch tiến công đường không

Tổ chức cứu sập: Cứu sập được tổ chức ở từng nhà máy, cơ quan, khu phố; lấy lực lượng Dân quân tự vệ làm nòng cốt và phân làm hai loại là lực lượng cứu sập tại chỗ và lực lượng cơ động.

Tổ chức cứu thương: Cứu thương lấy lực lượng y tế làm nòng cốt, chia ra thành các tuyến: tuyến sơ cứu tại chỗ; tuyến cấp cứu ban đầu tại trạm y tế, bệnh xá; tuyến bệnh viện tỉnh, thành phố và Trung ương.

Tổ chức chữa cháy: Chữa cháy lấy lực lượng phòng cháy chữa cháy làm nòng cốt kết hợp với lực lượng Dân quân tự vệ và quần chúng ở cơ sở.

Ổn định đời sống: Tổ chức phong toả, canh gác khu vực nguy hiểm; ngăn chặn các hành vi phá hoại, giữ gìn an ninh trật tự và ổn định tinh thần Nhân dân. Nhanh chóng khôi phục điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc và các hoạt động sản xuất, sinh hoạt để sớm ổn định đời sống và giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân.

Trình bày nội dung hoạt động phòng không nhân dân thời chiến.

IV. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Trách nhiệm của công dân

Thực hiện nghiêm kế hoạch phòng không nhân dân các cấp; các văn bản pháp luật về phòng không nhân dân ở địa phương.

Tham gia huấn luyện, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ phòng không nhân dân theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương khi được huy động.

Tích cực tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hiểu biết về phòng không nhân dân.

Cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác chính sách, quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ những người bị ốm, tai nạn, bị thương, hi sinh,... khi tham gia lực lượng phòng không nhân dân.

2. Trách nhiệm của học sinh

Thường xuyên học tập nâng cao nhận thức về vị trí, chức năng và nội dung hoạt động của phòng không nhân dân.

Thực hiện nghiêm các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, nhà trường về công tác phòng không nhân dân.

Cùng với nhà trường tham gia xây dựng hầm, hào trú ẩn, đan mũ rơm,... đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh trong nhà trường.

Thực hiện kế hoạch sơ tán, phân tán của nhà trường và tham gia học tập đầy đủ tại nơi sơ tán.

Tham gia khắc phục hậu quả, thiệt hại do địch đánh phá, nhanh chóng ổn định tình hình học tập.

Nêu trách nhiệm của công dân và học sinh trong thực hiện phòng không nhân dân

Em có biết?

Dân quân Tiền Châu hạ máy bay hiện đại của địch

Trung đội dân quân xã Tiền Châu, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú (nay là phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ) được trang bị 1 khẩu súng máy 12,7 mm, 3 khẩu súng đại liên và một số súng trường do đồng chí Nguyễn Đình Cán chỉ huy, có nhiệm vụ quan sát, phát hiện, báo động và kiên quyết đánh trả máy bay địch. Ngày 17/10/1972, khi phát hiện 2 máy bay địch lao về phía trận địa của trung đội, đồng chí Cán đã chỉ huy trung đội đồng loạt nổ súng khi máy bay địch bay qua trận địa. Dưới hoả lực tập trung của trung đội, một chiếc máy bay F-111 của địch bị trúng đạn, bốc khói, chao đảo rồi rơi xuống kèm theo tiếng nổ lớn và cột lửa bốc cao.

Chiến công này cho thấy, dù vũ khí còn hạn chế, lực lượng Dân quân tự vệ với tổ chức chặt chẽ, tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao và cách đánh hợp lí vẫn có thể tiêu diệt các phương tiện chiến tranh hiện đại của địch. Đây là minh chứng sinh động cho hiệu quả của thế trận phòng không nhân dân và sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong thực tiễn chiến đấu.

LUYỆN TẬP

1. Em không đồng ý với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a) Phòng không nhân dân chỉ có ý nghĩa và được tổ chức thực hiện trong thời chiến.

b) Phòng không nhân dân nhằm bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của Nhân dân.

c) Thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân lấy bộ đội Phòng không – Không quân làm nòng cốt.

d) Địa hình, địa vật tự nhiên ở mọi nơi đều là công trình phòng không nhân dân.

2. Sau khi được tuyên truyền về phòng không nhân dân, các bạn trong lớp tranh luận về mục tiêu, thủ đoạn tiến công đường không của địch và có một số ý kiến như sau:

Ý kiến 1: Địch tiến công đường không chủ yếu vào các mục tiêu quân sự, nhằm tiêu diệt lực lượng và phá huỷ phương tiện chiến đấu của ta.

Ý kiến 2: Hoả lực phòng không của địch tập trung đánh phá vào các cơ quan của Đảng và Nhà nước.

Ý kiến 3: Địch sẽ giành quyền làm chủ trên biển và tiến công hoả lực đường không vào đất liền.

Em đồng ý với ý kiến nào ở trên? Vì sao?

3. Có quan điểm cho rằng: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng không nhân dân chỉ dành cho bộ đội và Dân quân tự vệ.

Ý kiến của em về quan điểm đó như thế nào?

4. Để phòng, tránh tiến công đường không của địch cần tổ chức sơ tán, phân tán như thế nào?

VẬN DỤNG

1. Hãy sưu tầm những câu chuyện về đơn vị, cá nhân bắn rơi máy bay, bắt sống giặc lái trong chiến tranh chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta và chia sẻ với các bạn.
2. Khi có thông báo, báo động (bằng loa, kèn, kẻng,...) về máy bay địch ném bom, em sẽ hành động như thế nào?
3. Hãy kể những nơi có thể phòng, tránh địch tiến công bằng đường không ở địa phương em.

Bài

6 GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI SÚNG BỘ BINH, THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nhận biết, phân loại được một số loại súng bộ binh, một số loại thuốc nổ, vật cản, vũ khí tự tạo;
* Nêu được tính năng, tác dụng của một số loại thuốc nổ thường dùng; cấu tạo, tác dụng của các loại đồ dùng gây nổ; tính năng, cấu tạo, tác dụng của một số loại vật cản và vũ khí tự tạo;
* Nêu được tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động và nguyên tắc tháo, lắp súng tiểu liên AK và biết thực hành tháo, lắp súng tiểu liên AK.

MỞ ĐẦU

Kể tên một số loại súng được sử dụng trong quân đội mà em biết.

KHÁM PHÁ

I. SÚNG BỘ BINH

1. Hiểu biết chung về súng bộ binh

a) Khái niệm

Súng bộ binh là súng trang bị cho cá nhân và phân đội bộ binh (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

b) Một số loại súng bộ binh

– Súng tiểu liên AK (Hình 6.1a).

Súng tiểu liên AK cỡ 7,62 mm (cỡ nòng súng) là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho từng người, dùng hoả lực để tiêu diệt sinh lực địch; ngoài ra, có thể sử dụng lưỡi lê, báng súng để đánh gần. Súng bắn được liên thanh và phát một.

Súng tiểu liên AK cải tiến có 2 loại: AKM có thêm bộ phận giảm nẩy lắp ở đầu súng; có lẫy giảm tốc; AKMS có báng bằng sắt, gập lại được.



Súng tiểu liên AK (a)



Súng trung liên RPD (b)

Hình 6.1. Một số loại súng bộ binh

– Súng trung liên RPD (Hình 6.1b).

Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm (cỡ nòng súng) là loại súng nòng dài, tự động nạp đạn, trang bị cho một người sử dụng. Đây là hoả lực mạnh của tiểu đội bộ binh, dùng để tiêu diệt sinh lực địch tập trung; những mục tiêu lẻ, quan trọng hoặc hoả điểm của địch; chi viện cho bộ binh xung phong. Súng chỉ bắn được liên thanh.

Súng bộ binh là gì?

2. Tính năng, cấu tạo, nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK

a) Tính năng

Súng dùng đạn kiểu 1943 do Liên Xô sản xuất; đạn kiểu 1956 do Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác sản xuất. Có các loại đầu đạn: đầu đạn thường, đầu đạn vạch đường, đầu đạn xuyên cháy và đầu đạn cháy. Hộp tiếp đạn chứa được 30 viên đạn.

Tầm bắn ghi trên thước ngắm: Thước ngắm ghi số từ 1 đến 8, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 800 m ngoài thực địa (đối với AK cải tiến, thước ngắm ghi số từ 1 đến 10, tương ứng với cự li bắn từ 100 m đến 1 000 m ngoài thực địa).

Tầm bắn hiệu quả: 400 m; hoả lực bắn tập trung tiêu diệt mục tiêu mặt đất, mặt nước: 800 m; bắn máy bay, quân dù: 500 m.

Tầm bắn thẳng đối với mục tiêu người nằm: 350 m; đối với mục tiêu người chạy: 525 m.

Tốc độ đầu của đầu đạn: 710 m/s (đối với AK cải tiến là 715 m/s).

Tốc độ bắn: lí thuyết 600 phát/phút; chiến đấu: khi bắn phát một khoảng 40 phát/phút, khi bắn liên thanh khoảng 100 phát/phút.

Khối lượng của súng: 3,8 kg; khi lắp đủ 30 viên đạn: 4,3 kg (đối với AKM: 3,1 kg, khi lắp đủ 30 viên đạn: 3,6 kg; AKMS: 3,3 kg, khi lắp đủ 30 viên đạn: 3,8 kg).

Em hãy cho biết tính năng của súng tiểu liên AK.

b) Cấu tạo

Cấu tạo của súng tiểu liên AK gồm 11 bộ phận chính: Nòng súng, bộ phận ngắm, hộp khoá nòng và nắp hộp khoá nòng, bệ khoá nòng và thoi đẩy, khoá nòng, bộ phận cò, bộ phận đẩy về, ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay, báng súng và tay cầm, hộp tiếp đạn, lê (Hình 6.2).



Nòng súng



Bộ phận ngắm: Đầu ngắm (1) và thước ngắm (2)



Hộp khoá nòng (1) và nắp hộp khoá nòng (2)



Bệ khoá nòng và thoi đẩy



Khoá nòng



Bộ phận cò



Bộ phận đẩy về



Ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên (1); ốp lót tay dưới (2)



Báng súng (1) và tay cầm (2)



Hộp tiếp đạn



Lê

Hình 6.2. Các bộ phận chính của súng tiểu liên AK

Ngoài các bộ phận chính, súng tiểu liên AK còn có đồng bộ của súng như phụ tùng (ống đựng, cái vặn vít, chổi lông, tống chốt,...), thông nòng và dây súng (Hình 6.3).



Phụ tùng



Thông nòng



Dây súng

Hình 6.3. Đồng bộ của súng tiểu liên AK

Súng tiểu liên AK có cấu tạo gồm mấy bộ phận chính? Đó là những bộ phận nào?

c) Nguyên lí hoạt động

Gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo tay kéo bệ khoá nòng về sau hết cỡ. Khi thả tay kéo bệ khoá nòng, lò xo đẩy về giãn ra đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn thứ nhất vào buồng đạn.

Bóp cò, búa đập vào kim hoả, kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc phóng. Thuốc phóng cháy sinh ra khí thuốc có áp suất rất lớn đẩy đầu đạn chuyển động trong nòng súng.

Khi đầu đạn chuyển động qua lỗ trích khí thuốc, một phần khí thuốc phụt qua lỗ trích khí thuốc đập vào mặt thoi đẩy đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng lùi, vỏ đạn được hất ra ngoài.

Khi bệ khoá nòng lùi hết cỡ, lò xo đẩy về giãn ra đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng tiến về phía trước, đẩy viên đạn tiếp theo vào buồng đạn. Mọi hoạt động của súng cứ lặp đi, lặp lại như vậy cho đến khi hết đạn.

Nêu nguyên lí hoạt động của súng tiểu liên AK.

3. Tháo, lắp thông thường súng tiểu liên AK

a) Quy tắc tháo, lắp

Người tháo, lắp phải nắm vững cấu tạo của súng.

Chọn nơi khô ráo, sạch sẽ để tháo, lắp súng. Chuẩn bị đầy đủ các vật chất cần thiết như bàn (vải bạt, chiếu, nylon) và phụ tùng của súng.

Trước khi tháo súng phải kiểm tra, khám súng.

Khi tháo, lắp phải dùng đúng phụ tùng; động tác phải đúng thứ tự, nhẹ nhàng. Khi gặp vướng mắc phải nghiên cứu thận trọng, không dùng sức mạnh để đập, bẩy làm hư hỏng súng.

b) Tháo súng

– Bước 1: Tháo hộp tiếp đạn, kiểm tra súng

Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng dựng đứng trên bàn (vải bạt, chiếu hoặc nylon), mặt súng quay sang trái, miệng nòng súng hướng lên trên. Tay phải nắm hộp tiếp đạn, ngón tay cái ấn lẫy giữ hộp tiếp đạn (Hình 6.4a); đồng thời, đẩy hộp tiếp đạn lên, lấy ra, đặt xuống bàn sao cho cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay sang phải.

Tay phải mở khoá an toàn về vị trí bắn, sau đó nắm tay kéo bệ khoá nòng, hơi kéo bệ khoá nòng về sau, mắt quan sát buồng đạn. Nếu trong súng có đạn phải lấy ra, sau đó kéo bệ khoá nòng hết cỡ về sau, rồi thả ra, không bóp cò, không đóng khoá an toàn.

– Bước 2: Tháo ống đựng phụ tùng

Tay trái giữ súng như cũ, nhấc súng lên khỏi mặt bàn (đế báng súng cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm). Tay phải dùng ngón trỏ ấn nắp ổ chứa ống đựng phụ tùng rồi thả ra, lò xo đẩy ống đựng phụ tùng ra ngoài (Hình 6.4b), tay phải cầm ống đựng phụ tùng. Đặt súng xuống bàn, kết hợp hai tay mở nắp ống đựng phụ tùng, lấy các phụ tùng ra ngoài đặt lên bàn.

– Bước 3: Tháo thông nòng

Tay trái giữ súng như khi tháo hộp tiếp đạn. Tay phải cầm đuôi thông nòng kéo sang phải, rút lên và lấy ra (Hình 6.4c) (trường hợp thông nòng chặt quá, dùng tống chốt cắm vào lỗ ngang ở đuôi thông nòng để rút lên).



Hình 6.4. Tháo súng tiểu liên AK

– Bước 4: Tháo nắp hộp khoá nòng

Súng đặt trên bàn, nòng súng hướng về trước, mặt súng hướng lên trên. Tay trái nắm cổ báng súng, ngón cái ấn mấu giữ nắp hộp khoá nòng cho mấu thụt vào trong, tay phải nắm nắp hộp khoá nòng nhấc ra khỏi súng (Hình 6.4d).

– Bước 5: Tháo bộ phận đẩy về

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải cầm đuôi cốt lò xo, đẩy về trước cho chân đuôi cốt lò xo rời khỏi rãnh dọc trên hộp khoá nòng (Hình 6.4e), rồi nâng lên, lấy bộ phận đẩy về ra.

– Bước 6: Tháo bệ khoá nòng và khoá nòng

Tay trái giữ súng như cũ. Tay phải nắm bệ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi nhấc lên, tháo ra khỏi hộp khoá nòng (Hình 6.4g).

Đặt súng xuống bàn, tay trái nắm ngửa bệ khoá nòng, tay phải xoay khoá nòng sang phải về phía sau, để mấu đóng mở của khoá nòng rời khỏi rãnh lượn của bệ khoá nòng (Hình 6.4h), rồi tháo khoá nòng ra khỏi bệ khoá nòng.

– Bước 7: Tháo ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên

Tay trái nắm hộp khoá nòng, tay phải dùng ngón trỏ hoặc ống đựng phụ tùng xoay lẫy giữ ống dẫn thoi đẩy lên trên, sao cho mặt bằng của lẫy thẳng với mặt cắt sau ốp lót tay (Hình 6.4i), rồi lấy ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên ra khỏi súng.

Chú ý: Khi tháo súng, các bộ phận tháo ra được đặt theo thứ tự từ phải qua trái (Hình 6.4k).

c) Lắp súng

Thứ tự các bước làm ngược lại khi tháo (Bộ phận nào tháo ra sau thì lắp vào trước).

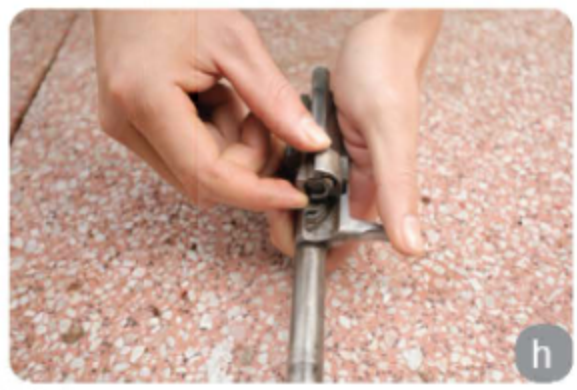
– Bước 1: Lắp ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên

Tay trái nắm hộp khoá nòng giữ súng như khi tháo. Tay phải cầm ống dẫn thoi đẩy và ốp lót tay trên, lắp đầu ống dẫn thoi đẩy khớp vào khuyết ở khâu truyền khí thuốc, rồi ấn xuống, gạt lẫy giữ ống dẫn thoi đẩy xuống hết mức.













Hình 6.4. Tháo súng tiểu liên AK

- Bước 2: Lắp bệ khoá nòng và khoá nòng

Lắp khoá nòng vào bệ khoá nòng: Tay trái cầm ngửa bệ khoá nòng, tay phải lắp đuôi khoá nòng vào lỗ chứa, rồi xoay khoá nòng từ sau sang trái về trước.

Lắp bệ khoá nòng và khoá nòng vào súng: Tay trái trao bệ khoá nòng và khoá nòng cho tay phải. Tay phải cầm ngửa bệ khoá nòng, ngón cái tì vào tai trái khoá nòng để khoá nòng ở vị trí phía trước hết cỡ, sau đó lật úp bệ khoá nòng. Tay trái ngửa nắm cổ báng súng, tay phải đưa đầu thoi đẩy vào lỗ chứa thoi đẩy, đặt bệ khoá nòng vào sát phía sau hộp khoá nòng, rồi ấn xuống sao cho hai rãnh trượt ở bệ khoá nòng khớp vào hai gờ trượt ở hộp khoá nòng, đẩy bệ khoá nòng và khoá nòng về trước hết cỡ.

- Bước 3: Lắp bộ phận đẩy về

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi cốt lò xo đẩy về, lắp đầu bộ phận đẩy về vào lỗ chứa ở bệ khoá nòng, ấn về trước, lựa sao cho chân đuôi cốt lò xo đẩy về khớp vào rãnh dọc ở hộp khoá nòng.

- Bước 4: Lắp nắp hộp khoá nòng, kiểm tra chuyển động

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm nắp hộp khoá nòng, lựa cho đầu nắp hộp khoá nòng lọt vào khuyết giữ ở sau bệ thước ngắm, dùng lòng bàn tay phải ấn nắp hộp khoá nòng xuống, sao cho mấu giữ nắp hộp khoá nòng lọt vào lỗ chứa ở đuôi nắp hộp khoá nòng.

Kiểm tra chuyển động: Tay trái nắm ốp lót tay trên, nòng súng hướng lên trên. Tay phải cầm tay kéo bệ khoá nòng kéo về sau hết cỡ rồi thả ra, làm 2 hoặc 3 lần, thấy bệ khoá nòng và khoá nòng chuyển động bình thường, sau đó bóp cò búa đập mạnh là được. Gạt cần định cách bắn và khoá an toàn về vị trí an toàn.

- Bước 5: Lắp thông nòng

Tay trái nắm ốp lót tay, giữ súng như khi tháo, tay phải cầm đuôi thông nòng, lắp đầu thông nòng lọt vào lỗ chứa dưới khâu truyền khí thuốc và khâu giữ ốp lót tay dưới; hơi kéo đuôi thông nòng sang phải và ấn xuống hết cỡ.

- Bước 6: Lắp ống đựng phụ tùng

Tay trái cầm ống đựng phụ tùng, tay phải lắp các phụ tùng vào ống đựng, đóng nắp lại. Tay trái nắm ốp lót tay, nâng súng lên cách mặt bàn từ 15 đến 20 cm. Tay phải đặt đầu ống đựng phụ tùng vào ổ chứa, dùng ngón trỏ đẩy ống vào hết mức, rút ngón tay ra, nắp giữ ống đựng phụ tùng tự động đóng lại.

- Bước 7: Lắp hộp tiếp đạn

Tay trái giữ súng như khi tháo, tay phải cầm hộp tiếp đạn lắp mấu trước của hộp tiếp đạn khớp vào khuyết chứa ở hộp khoá nòng, ấn cho mấu sau của hộp tiếp đạn khớp vào lẫy giữ ở trước vành cò.

Tháo, lắp súng tiểu liên AK gồm mấy bước? Đó là những bước nào?

II. THUỐC NỔ, VẬT CẢN VÀ VŨ KHÍ TỰ TẠO

1. Thuốc nổ

a) Khái niệm

Thuốc nổ là chế phẩm của chất nổ mà khi chịu tác động của những xung kích thích từ bên ngoài đủ mạnh thì thường nổ (mà ít cháy) (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

b) Một số loại thuốc nổ thường dùng

– *Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)*

+ *Tính năng:* Có dạng tinh thể rắn; màu vàng nhạt (Hình 6.5a); khi tiếp xúc ánh sáng mặt trời ngả sang màu nâu; có vị đắng; khi cháy tạo ra lửa đỏ, khói đen, mùi nhựa thông; ít hút ẩm; dùng được ở dưới nước; dễ hoà tan trong benzene, acetone, ether, rượu ethylic hoặc các loại acid đậm đặc; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên, nếu thuốc nổ đúc khi gây nổ phải dùng thuốc nổ mồi. Nóng chảy ở 81 °C, bốc cháy ở 310 °C, nổ ở 350 °C; nếu tăng nhiệt độ đột ngột lên 300 °C sẽ nổ.

+ *Tác dụng:* Được sử dụng rộng rãi trong quân đội cũng như trong một số lĩnh vực khác; thường được đúc thành từng bánh có khối lượng từ 15 g đến 400 g để làm các loại lượng nổ; trộn với thuốc nổ mạnh làm dây nổ; trộn với thuốc nổ yếu để phá đất, phá đá.



Mô hình thuốc nổ TNT

Mô hình thuốc nổ C4

Hình 6.5. Một số loại thuốc nổ

– *Thuốc nổ C4*

+ *Tính năng:* Là thuốc nổ hỗn hợp gồm 80% thuốc nổ mạnh Hexogen bột trộn với 20% chất kết dính. Màu trắng đục, mùi hắc, dẻo, nhào nặn dễ dàng, vị hơi ngọt (Hình 6.5b); không hút ẩm, không tan trong nước. Sử dụng trong điều kiện nhiệt độ từ –30 °C đến 50 °C. Nếu nhiệt độ càng thấp thì độ dẻo càng giảm; gây nổ bằng kíp số 6 trở lên; đốt khó cháy, đốt nóng đến 190 °C thì cháy, khi cháy ở 201 °C thì nổ.

Em có biết?

Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội ta đã bí mật đào một đường hầm vào trong lòng đồi A1. Trong lòng đồi, ta bố trí gần 1000 kg thuốc nổ mạnh. Khi kích nổ, uy lực của khối thuốc đã tạo ra tiếng nổ và rung chấn lớn, làm cho quân địch ở đồi A1 hoang mang, choáng váng. Tiếng nổ cũng là hiệu lệnh tổng công kích trên toàn mặt trận.

(Theo *Lịch sử Quân sự Việt Nam, Tập 10, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật*)


Hình 6.6. Dấu tích còn lại từ vụ nổ của khối thuốc nổ gần 1000 kg ở đồi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ (tháng 5/1954)

sach-giao-khoa.com

+ *Tác dụng:* Dùng để phá huỷ các vật thể có hình dạng phức tạp; dùng làm lượng nổ lõm.

Cho biết tác dụng của thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT) và thuốc nổ C4.

c) Đồ dùng gây nổ

Bộ đồ dùng gây nổ thường gồm kíp thường, nụ xuỳ và dây cháy chậm.

– *Kíp thường*

+ *Cấu tạo:* Kíp thường có cấu tạo gồm vỏ kíp, mắt ngỗng, bát kim loại, thuốc gây nổ và thuốc nổ mạnh (Hình 6.7a). Căn cứ vào kích thước, kíp được phân ra 10 cỡ số, từ 1 đến 10; trong thực tế thường dùng kíp số 6, 8, 10. Số kíp càng lớn, thuốc càng nhiều, gây nổ càng mạnh.

+ *Tính năng, tác dụng:* Dùng để gây nổ thuốc nổ hoặc dây nổ. Cảm ứng của kíp rất nhạy; nếu để va chạm, cọ xát, chấn động mạnh, vật nặng đè lên, tăng nhiệt độ hoặc khêu móc, chọc vào thuốc gây nổ (mắt ngỗng) đều có thể nổ.

– *Nụ xuỳ*

+ *Cấu tạo:* Nụ xuỳ có cấu tạo gồm vỏ, gờ định vị dây cháy chậm, lỗ thoát khí, dây kim loại, bát kim loại chứa thuốc phát lửa và dây giật (Hình 6.7b).

+ *Tính năng, tác dụng:* Nụ xuỳ dùng để phát lửa đốt cháy dây cháy chậm hoặc gây nổ kíp (gây nổ trực tiếp). Nụ xuỳ phát lửa rất nhạy nhưng khi hút ẩm không phát lửa được. Vì vậy, phải giữ gìn, bảo quản cẩn thận.

– *Dây cháy chậm*

+ *Cấu tạo:* Dây cháy chậm có cấu tạo gồm vỏ, lớp sợi, lõi thuốc đen và dây tim (Hình 6.7c).

+ *Tính năng, tác dụng:* Dây cháy chậm dùng để dẫn lửa gây nổ kíp. Tốc độ cháy trung bình của dây cháy chậm trong không khí là 1 cm/s, nếu cháy dưới nước thì nhanh hơn. Khi dùng phải căn cứ vào tính năng, ý định, cách đánh và khoảng cách bảo đảm an toàn cho người đánh thuốc nổ mà cắt dây cháy chậm dài hay ngắn.



Hình 6.7. Đồ dùng gây nổ thường

Bộ đồ dùng gây nổ thường có mấy bộ phận? Đó là những bộ phận nào?

2. Vật cản

a) Khái niệm

Vật cản là tên gọi chung các vật thể, phương tiện do người làm ra hoặc cải tạo cái có sẵn để làm chậm hoặc ngăn cản cơ động, gây khó khăn cho các hoạt động khác và thiệt hại cho đối phương (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

b) Phân loại

Có vật cản tự nhiên và vật cản nhân tạo. Vật cản tự nhiên là loại vật cản có sẵn trong tự nhiên như rừng, núi, sông, suối, ao, hồ,... Vật cản nhân tạo là vật cản do con người tạo ra, gồm vật cản nổ và vật cản không nổ.

Vật cản nổ là vật cản bằng mìn, lượng nổ,... dùng uy lực thuốc nổ để tiêu diệt địch. Trong đó, có vật cản chống các phương tiện cơ giới (mìn chống tăng, lượng nổ mạnh,...); vật cản chống bộ binh (mìn chống bộ binh, lượng nổ nhỏ,...); thuỷ lôi,...

Vật cản không nổ có nhiều loại như hàng rào thép gai, hàng rào tre, hàng rào điện, hào, hố, vách đứng, vách hụt,...



Hàng rào lò xo



Hàng rào vướng chân

Hình 6.8. Một số loại vật cản

Thế nào là vật cản? Nêu cách phân loại vật cản.

3. Vũ khí tự tạo

Vũ khí tự tạo là vũ khí có cấu tạo và nguyên lí hoạt động đơn giản, dễ chế tạo bằng những phương pháp và phương tiện thủ công, dùng vật liệu tại chỗ, đạn dược hỏng hoặc cải tiến các loại đạn dược thu được của đối phương (Theo *Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân*).

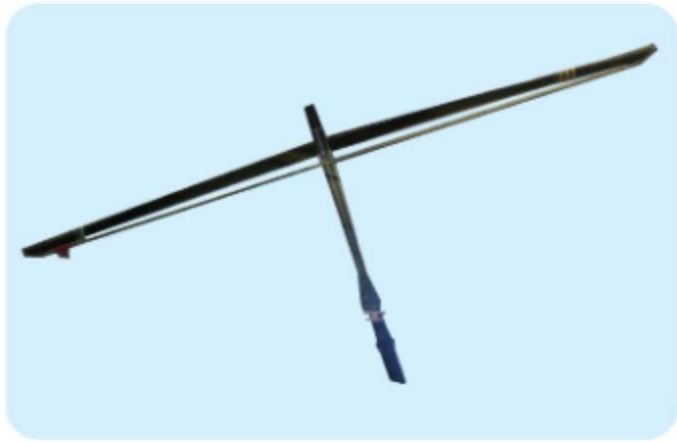
Vũ khí tự tạo có khả năng sát thương, tiêu diệt sinh lực địch hiệu quả, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng trong lực lượng vũ trang của địa phương. Vũ khí tự tạo có nhiều loại như dao, mã tấu, giáo, mác, kiếm; gậy tầm vông, cung, nỏ, chông các loại; bẫy chông, bẫy đá, bẫy đạn; tổ ong; bom, lựu đạn, mìn tự chế,...



Chông chuỳ



Bom xi măng



Nỏ

Hình 6.9. Một số hình ảnh vũ khí tự tạo

Thế nào là vũ khí tự tạo? Kể tên một số loại vũ khí tự tạo mà em biết.

LUYỆN TẬP

Tháo, lắp súng tiểu liên AK.

- Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu và thực hiện động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

- Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập, duy trì luyện tập và sửa tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Tập chậm đến nhanh dần các bước tháo, lắp súng tiểu liên AK.

Bước 2: Tập tổng hợp

Tập liên kết các bước, nhanh dần đến thuần thục động tác tháo, lắp súng tiểu liên AK.

VẬN DỤNG

1. Khi thực hành tháo súng tiểu liên AK, do súng bị kẹt, bạn Thái không thể tháo được bệ khoá nòng ra khỏi súng. Trong trường hợp này, Thái nên làm gì?
2. Em hãy sưu tầm và kể cho các bạn trong lớp biết một loại vũ khí tự tạo mà quân và dân ta đã sử dụng trong chiến tranh giải phóng.

sach-giao-khoa.com

Bài

7 PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÍ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được những nội dung cơ bản pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ;
* Biết tuyên truyền, vận động người thân không tàng trữ, mua, bán, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái pháp luật.

MỞ ĐẦU

Quan sát hình 7.1 và cho biết: Hình ảnh thể hiện hành động gì của công dân?



Hình 7.1

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÍ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Một số khái niệm

a) Vũ khí

Vũ khí là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những thiết bị, phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khoẻ con người, phá huỷ kết cấu vật chất. Vũ khí gồm: vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn.

– *Vũ khí quân dụng* là các loại vũ khí được chế tạo, sản xuất hợp pháp hoặc tự chế theo tiêu chuẩn kĩ thuật, có khả năng gây sát thương, phá huỷ mục tiêu, phục vụ cho mục đích quân sự, quốc phòng và được trang bị cho lực lượng vũ trang hoặc lực lượng chức năng. Vũ khí quân dụng gồm: súng cầm tay; vũ khí hạng nặng; bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thuỷ lôi; súng tự chế;...





Hình 7.2. Vũ khí quân dụng trang bị cho cá nhân

- *Vũ khí thô sơ* là loại vũ khí có cấu tạo và nguyên lí hoạt động đơn giản được chế tạo thủ công hoặc công nghiệp. Vũ khí thô sơ gồm: kiếm, giáo, mác, thương, dao găm, lưỡi lê, đao, mã tấu, côn, quả đấm, quả chuỳ, cung, nỏ, phi; dao có tính sát thương (là dao sắc, dao nhọn sử dụng với mục đích để thực hiện hành vi phạm tội, gây rối, làm mất trật tự công cộng hoặc chống đối cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, người thi hành công vụ).
- *Vũ khí thể thao* là các loại vũ khí được chế tạo thủ công hoặc công nghiệp được sử dụng để luyện tập, thi đấu thể thao. Vũ khí thể thao gồm: súng trường hơi, súng trường bắn đạn nổ, súng ngắn hơi, súng ngắn bắn đạn nổ, súng thể thao bắn đạn sơn, súng bắn đĩa bay,...
- *Súng săn* là loại vũ khí nòng dài được sản xuất thủ công hoặc công nghiệp dùng cho mục đích săn bắn. Súng săn gồm: súng kíp, đạn sử dụng cho súng này sử dụng vào mục đích săn bắn.

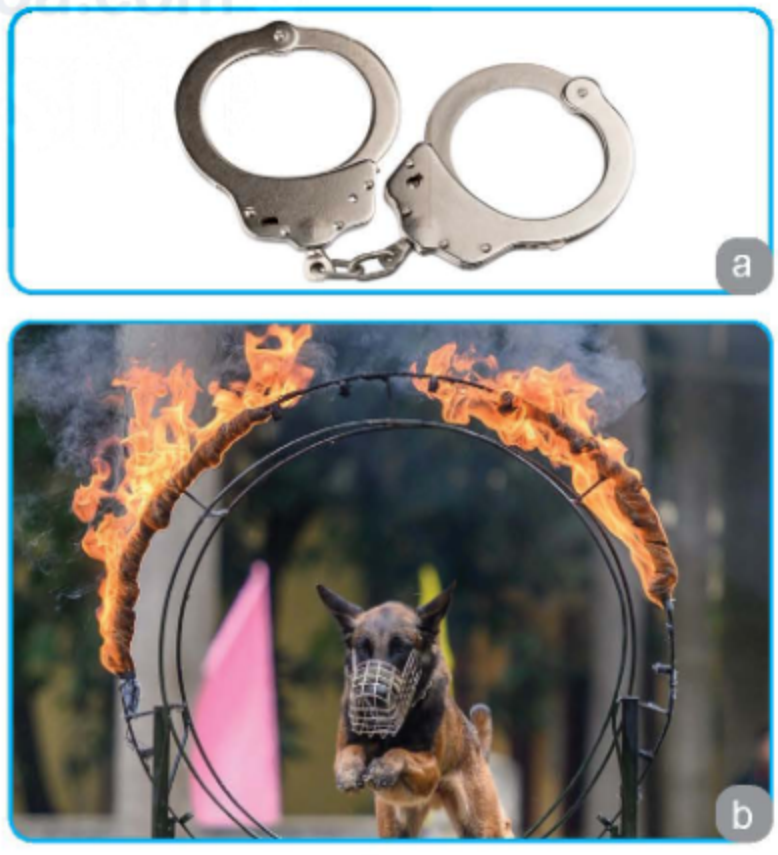
b) Vật liệu nổ

Vật liệu nổ là sản phẩm dưới tác động của xung kích thích ban đầu gây ra phản ứng hoá học nhanh, mạnh, toả nhiệt, sinh khí, phát sáng, tạo ra tiếng nổ. Vật liệu nổ gồm: thuốc nổ và phụ kiện nổ.

- *Thuốc nổ* là hoá chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích. Thuốc nổ gồm: thuốc nổ quân dụng và thuốc nổ dùng trong công nghiệp.
- *Phụ kiện nổ* là các loại thiết bị, vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo xung kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ. Phụ kiện nổ gồm: kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mồi nổ, thiết bị chuyên dùng.

c) Công cụ hỗ trợ

Công cụ hỗ trợ là phương tiện, động vật nghiệp vụ được sử dụng để thi hành công vụ, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nhằm hạn chế, ngăn chặn người có hành vi vi phạm pháp luật chống trả, trốn chạy; bảo vệ người thi hành công vụ, người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ hoặc báo hiệu khẩn cấp. Công cụ hỗ trợ gồm: Súng bắn điện, hơi ngạt, dùi cui, áo giáp, găng tay bắt dao, chất gây mê, từ trường, laser, lưới; súng phóng dây mồi; Động vật nghiệp vụ được huấn luyện để sử dụng cho yêu cầu nhiệm vụ của quân đội và công an như: ngựa, chó nghiệp vụ,...



Hình 7.3. Khoá số 8 và chó nghiệp vụ

Kể tên các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ mà em biết.

2. Nội dung quy định của pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Luật Quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 (Văn bản hợp nhất số 78/VBHN-VPQH ngày 26/03/2026) gồm 8 chương, 75 điều, quy định:

- Các hành vi bị nghiêm cấm:

+ Cá nhân sở hữu trái phép (trừ hiện vật trưng bày, đồ gia bảo được cơ quan cấp xã cấp phép);

+ Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép;

+ Mang theo vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ vào nơi công cộng mà không được phép.

- Đối tượng được trang bị: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ bao gồm: Công an, Quân đội, cơ quan Kiểm lâm, Hải quan và một số lực lượng bảo vệ chuyên trách khác.

- Quản lí và bảo quản: Tuân thủ quy trình, chế độ, bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để mất hoặc hư hỏng. Người quản lí kho phải được huấn luyện và cấp chứng chỉ.

- Thu hồi và giao nộp: Cơ quan chức năng tích cực vận động Nhân dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Cơ quan công an, cơ quan quân sự và Uỷ ban nhân dân cấp xã là nơi tiếp nhận vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do các cơ quan, người dân mang đến nộp.

- Xử lí đối với các cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ:

+ Xử phạt hành chính với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ từ 2 000 000 đồng đến 40 000 000 đồng và hình thức xử phạt bổ sung như: tịch thu tang vật; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm.

+ Xử lí hình sự đối với các tội: Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua, bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- *Khi nhặt, nhìn thấy các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thì phải thông báo hoặc mang đến cơ quan nào?*
- *Pháp luật quy định như thế nào về xử phạt vi phạm hành chính và xử lí hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ?*

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÍ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Trách nhiệm của công dân

- Chủ động tìm hiểu và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

- Không chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng, tìm kiếm hoặc che giấu vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái phép.
- Khi phát hiện vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ hoặc các hành vi vi phạm pháp luật liên quan, cần kịp thời thông báo, giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền.
- Tích cực tham gia phát hiện, tố giác và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Trách nhiệm của học sinh

- Thực hiện trách nhiệm của công dân phù hợp với lứa tuổi.
- Tích cực học tập, tìm hiểu kiến thức pháp luật để nâng cao nhận thức về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
- Không tham gia, không cổ vũ, không làm theo các hành vi chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tìm kiếm hoặc sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
- Thể hiện thái độ không đồng tình với những hành vi vi phạm pháp luật. Khi phát hiện vi phạm, cần kịp thời báo cho thầy, cô giáo, nhà trường, cơ quan công an, cơ quan quân sự địa phương hoặc Uỷ ban nhân dân nơi gần nhất.
- Tuyên truyền, nhắc nhở bạn bè và người xung quanh cùng chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng môi trường học đường an toàn.

- *Công dân có trách nhiệm gì trong thực hiện các quy định về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ?*
- *Khi phát hiện một người có hành vi tàng trữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, em sẽ làm gì?*

sách-giáo-khoa.com

LUYỆN TẬP

1. Nêu những nội dung cơ bản của pháp luật về quản lí vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
2. Cho biết một số hành vi bị nghiêm cấm trong quản lí, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

VẬN DỤNG

1. Sưu tầm hình ảnh về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
2. Xây dựng tiểu phẩm để tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè về hậu quả của việc chế tạo, vận chuyển, mua, bán, chiếm đoạt, tìm kiếm, tàng trữ trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trái quy định của pháp luật.

Bài

8 LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Phân tích được khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu của các tư thế, động tác lợi dụng địa hình, địa vật;
* Thực hành được các động tác kĩ thuật phù hợp với các loại địa hình, địa vật trong các tình huống diễn ra.

MỞ ĐẦU

Theo em, chiến sĩ trong hình 8.1 lợi dụng bụi cây, ụ đất để làm gì?



Hình 8.1

KHÁM PHÁ

I. CÁC LOẠI ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

1. Vật che khuất

Là những vật có thể che giấu được hành động, nhưng không thể chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh bom, pháo, cối, lựu đạn xuyên qua như bụi cây (Hình 8.2a), bụi cỏ rậm rạp, mành, rèm,...

2. Vật che đỡ

Là những vật có sức chống đỡ được đạn bắn thẳng, mảnh bom, đạn pháo, cối, lựu đạn khó xuyên qua, đồng thời có tác dụng che kín được hành động tương tự vật che khuất như mô đất (Hình 8.2b), gốc cây, bờ ruộng, bờ tường, vật kiến trúc kiên cố,...

3. Địa hình trống trải

Là những nơi không có vật che khuất hoặc che đỡ như bãi bằng phẳng (Hình 8.2c), đồi trọc, mặt đường,...



Hình 8.2. Vật che khuất, vật che đỡ và địa hình trống trải

Nêu những điểm giống và khác nhau giữa địa hình, địa vật che khuất và địa hình, địa vật che đỡ.

II. CÁCH LỢI DỤNG ĐỊA HÌNH, ĐỊA VẬT

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Lợi dụng địa hình, địa vật để che giấu hành động chiến đấu, thuận lợi cho việc sử dụng vũ khí tiêu diệt địch và bảo vệ mình.

Yêu cầu: Theo dõi được địch nhưng địch khó phát hiện ta; tiện đánh địch nhưng địch khó đánh ta; hành động phải khéo léo, bí mật, tinh khôn; nguỵ trang phù hợp với màu sắc địa hình xung quanh, không làm thay đổi hình dáng và rung động vật lợi dụng; tránh lợi dụng địa vật đột xuất.

Tại sao khi lợi dụng địa hình, địa vật hành động phải khéo léo, bí mật và tránh lợi dụng địa vật đột xuất?

2. Cách lợi dụng

a) Lợi dụng vật che khuất

Mục đích lợi dụng: Để giữ kín hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp hoặc làm công sự, vật cản trở, bố trí chông, mìn, cạm bẫy,... để diệt địch.

Vị trí lợi dụng: Căn cứ vào độ kín đáo và màu sắc của vật lợi dụng, thời tiết ánh sáng,... mà có thể lợi dụng phía sau, bên cạnh hoặc phía trước, sát gần hoặc xa vật lợi dụng. Đối với vật che khuất kín đáo, dù điều kiện thời tiết ánh sáng, màu sắc như thế nào đều có thể lợi dụng phía sau vật. Ban đêm, nếu vật lợi dụng có màu sắc tương đồng với trang phục của người thì có thể lợi dụng cả bên cạnh hoặc phía trước.

Đối với vật che khuất không thật sự kín đáo, chủ yếu là lợi dụng phía sau. Nếu phía địch có ánh sáng nhiều hơn phía ta, có thể lợi dụng sát gần vật; nếu ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch thì không nên lợi dụng. Nếu phía ta và địch có ánh sáng đều nhau, phải lợi dụng xa vật một khoảng cách thích hợp.

Tư thế, động tác khi lợi dụng:

Khi vận động: Căn cứ vào vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế cho phù hợp như đi khom, bò, lê, trườn (Hình 8.3) nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng.



Hình 8.3. Tư thế, động tác lợi dụng một số vật che khuất

Khi ẩn nấp: Căn cứ vào vật lợi dụng cao hay thấp, to hay nhỏ để vận dụng các tư thế cho phù hợp như đứng, quỳ, nằm (Hình 8.4),... nhưng đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng.



Hình 8.4. Tư thế lợi dụng vật che khuất khi ẩn nấp

Hành động khi lợi dụng phải hết sức bí mật, khéo léo, thận trọng, không làm rung động, thay đổi hình dạng và màu sắc của vật lợi dụng.

Chú ý: Trường hợp lợi dụng để làm công sự, bố trí vật cản để tiêu diệt địch, phải chọn nơi kín đáo, bất ngờ, tiện nguỵ trang, địch khó phát hiện. Khi đã dùng vũ khí (bắn súng, ném lựu đạn,...) tiêu diệt địch, bị địch phát hiện phải nhanh chóng rời khỏi vị trí đó, tiếp tục lợi dụng vật khác.

Tại sao không nên lợi dụng vật che khuất không thật sự kín đáo khi ánh sáng phía ta nhiều hơn phía địch?

b) Lợi dụng vật che đỡ

Mục đích lợi dụng: Lợi dụng vật che đỡ để che giấu hành động, tránh được đạn bắn thẳng, mảnh bom, mảnh đạn của địch gây ra.

Vị trí lợi dụng: Lợi dụng để che giấu hành động khi quan sát, vận động, ẩn nấp. Vị trí lợi dụng cơ bản giống như lợi dụng vật che khuất kín đáo. Lợi dụng để bắn súng, ném lựu đạn, làm công sự, bố trí vật cản. Vị trí lợi dụng chủ yếu ở phía sau hoặc phía sau bên phải vật.

Tư thế, động tác khi lợi dụng:

Khi vận động, ẩn nấp: Tư thế động tác khi lợi dụng tương tự như khi lợi dụng vật che khuất.

Khi sử dụng vũ khí tiêu diệt địch: Căn cứ vào vật lợi dụng cao hay thấp để vận dụng các tư thế đứng, quỳ, nằm bắn (Hình 8.5a, b, c) hoặc ném lựu đạn (Hình 8.5d) cho phù hợp, nhưng chủ yếu phải lấy yếu tố thuận lợi để tiêu diệt địch, đồng thời bảo vệ được mình.



Hình 8.5. Tư thế, động tác lợi dụng một số vật che đỡ

Vị trí lợi dụng vật che khuất, vật che đỡ có điểm gì giống và khác nhau?

c) Vượt qua địa hình trống trải

Mục đích: Nhằm tránh địch phát hiện hoặc nếu có phát hiện vẫn khó phân biệt giữa ta và địa hình, địa vật xung quanh.

Tư thế, động tác:

Khi vận động: Phải triệt để lợi dụng lúc địch sơ hở hoặc sương mù, khói bụi,... dùng động tác vọt tiến (Hình 8.6a) để nhanh chóng vượt qua. Ban đêm, nếu điều kiện không vọt tiến được thì nguỵ trang thích hợp, dùng tư thế thấp, nghiêng mình thu nhỏ mục tiêu, khéo léo, thận trọng tiến thẳng về hướng địch. Chú ý người không nhấp nhô và không làm rung động nguỵ trang.

Khi ẩn nấp và quan sát: Chủ yếu lợi dụng địa hình, địa vật có màu sắc thích hợp, dùng tư thế thấp để thu nhỏ mục tiêu (Hình 8.6b), hành động phải hết sức khôn khéo, thận trọng, không làm thay đổi hình dáng, tư thế một cách đột ngột và rung động nguỵ trang.



Hình 8.6. Tư thế, động tác vượt qua địa hình trống trải

Khi vượt qua địa hình trống trải cần chú ý những điểm gì?

LUYỆN TẬP

Luyện tập hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác, xác định vị trí, cách lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải.

– Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp

Luyện tập nhanh, sát thực tế chiến đấu hành động của chiến sĩ lợi dụng vật che khuất, che đỡ và vượt qua địa hình trống trải (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

VẬN DỤNG

Hãy quan sát và nêu một số vật che khuất, che đỡ trong khuôn viên trường em.

sach-giao-khoa.com

Bài

9 NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU, TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được ý nghĩa, yêu cầu, hành động nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo làm cơ sở vận dụng trong chiến đấu và học chiến thuật;
* Thực hành được hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo. Vận dụng được các nội dung đã học vào luyện tập các tình huống cụ thể.

MỞ ĐẦU

Theo em, chiến sĩ trong hình 9.1 đang thực hiện nhiệm vụ gì?



Hình 9.1

KHÁM PHÁ

I. NHÌN, NGHE, PHÁT HIỆN ĐỊCH, CHỈ MỤC TIÊU

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Nhìn, nghe, phát hiện địch và chỉ mục tiêu chính xác là điều kiện hết sức quan trọng để từng người, đồng đội và người chỉ huy xử trí các tình huống trong chiến đấu nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

Yêu cầu: Tập trung tư tưởng, có ý thức cảnh giác cao; hành động khôn khéo, bí mật, thận trọng; phát hiện, báo cáo chính xác, kịp thời.

Tại sao khi nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu phải tập trung tư tưởng và có ý thức cảnh giác cao?

2. Hành động

a) Nhìn

Chọn vị trí nhìn: Ban ngày nên chọn nơi cao, kín đáo, có tầm nhìn xa và rộng để theo dõi được hành động của địch, bảo đảm bí mật, tiện cho việc nguỵ trang và liên lạc báo cáo. Ban đêm nên chọn nơi thấp để tiện quan sát, phát hiện các mục tiêu trên cao.

sach-giao-khoa.com

Cách nhìn: Nhìn trực tiếp bằng mắt hoặc qua các vật phản chiếu như gương soi, mặt cửa kính, mặt nước,... Khi nhìn, phải nhìn lướt qua một lượt từ gần đến xa, từ phải qua trái và ngược lại, để phán đoán nơi địch có thể lợi dụng hoặc dấu vết nghi ngờ có địch. Sau đó, nhìn kĩ theo thứ tự: nơi nghi ngờ có địch, khu vực địa hình sẽ lợi dụng để hành động. Phải ghi nhớ địa hình, địa vật đã quan sát, những lần nhìn sau phải chú ý những điểm thay đổi có thể do địch tạo ra như thay đổi hình dáng, màu sắc của địa hình, địa vật, từ đó phán đoán chính xác về địch.

Khi đã nhìn thấy rõ địch, phải xem địch nhiều hay ít, sử dụng vũ khí gì,... Khi đang vận động, chủ yếu là nhìn lướt qua, muốn nhìn kĩ phải dừng lại. Khi làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra không nên vừa đi vừa nhìn.

Khi nhìn qua khe, kẽ của địa hình, địa vật như rèm che, màn vải thưa, cửa kính,... phải tránh ở bên sáng nhìn qua bên tối. Khi ở bên thật tối nhìn qua bên thật sáng có thể đến gần vật chắn để nhìn cho rõ nhưng không để mắt quan sát gần vật chắn.

Chú ý: Nếu dùng đèn soi về phía địch, nên kết hợp với đồng đội, một người soi, một người nhìn, người soi lợi dụng địa hình, địa vật ẩn nấp, người nhìn ở hướng khác để nhìn.

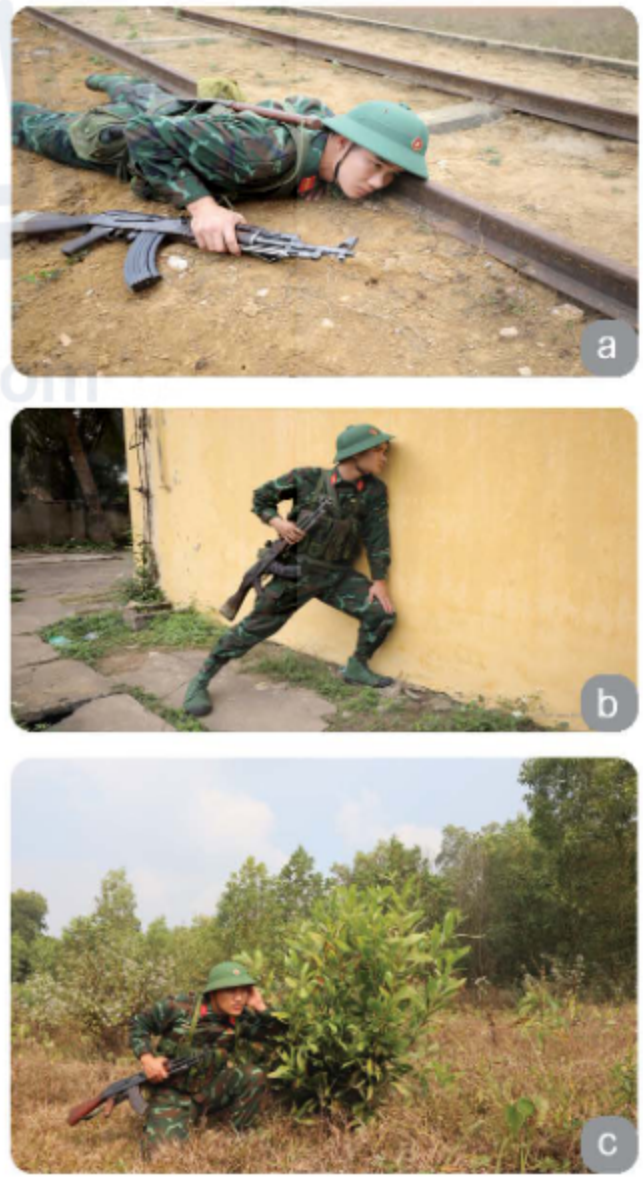
Tại sao khi chọn vị trí nhìn, ban ngày nên chọn nơi cao, ban đêm nên chọn nơi thấp?

b) Nghe

Chọn vị trí nghe: Muốn nghe tốt thường chọn những nơi tương đối yên tĩnh, xung quanh không có nhiều tiếng động ồn ào lớn hơn tiếng động cần nghe, nơi địa hình, địa vật trống trải, không có vật chắn ngăn cách.

Cách nghe: Khi có những vật dẫn tiếng động tốt như mặt đất rắn, mặt đường, đường ray tàu hoả, nơi ẩm ướt và khi cần nghe tiếng động sát phía bên kia vật chắn như tường bao, tường nhà,... nên áp tai vào vật đó để nghe (Hình 9.2a, b). Cùng một lúc có nhiều tiếng động, phải chọn lọc những tiếng động nghi ngờ nghe trước. Trường hợp trời mưa, gió nhiều tiếng động ồn ào có thể dùng bàn tay làm phễu, úp sát vào vành tai để hở một ít (Hình 9.2c) để nghe được rõ hơn, tránh để mưa tạt, gió rít vào tai hoặc vành mũ, gây ra tiếng động sát bên tai, sẽ khó phân biệt âm thanh cần nghe.

Chú ý: Khi đang vận động, muốn nghe rõ nên dừng lại. Nếu nghe lúc đang đi, động tác vận động phải nhẹ nhàng. Trong mọi trường hợp, phải luôn đề phòng những tiếng động do địch tạo ra để nghi binh đánh lừa ta.



Hình 9.2. Cách nghe ở đường ray tàu hoả, bờ tường và khi trời mưa, gió

Nêu điểm khác nhau giữa chọn vị trí nghe so với chọn vị trí nhìn.

c) Phát hiện địch

Căn cứ vào kết quả nhìn, nghe để nhanh chóng phán đoán mọi hiện tượng có liên quan đến tình hình địch, cụ thể:

Nhìn thấy địa hình có những điểm thay đổi về hình dáng, màu sắc hoặc chuyển động không bình thường như trong bãi cỏ xanh xuất hiện vầng cỏ úa khác màu; không có gió nhưng cành cây rung động; bụi cây to, ụ đất mới xuất hiện; khoảng cách giữa bụi cây, ụ đất gần hoặc xa hơn so với lần nhìn trước, nếu biết rõ ở nơi đó không có ta thì có thể là có địch.

Khi thấy người có thái độ sợ hãi thì nơi nhìn, hướng nhìn của người đó có thể là có địch. Nếu thấy người có thái độ rụt rè, sợ sệt thì có thể là địch.

Thấy súc vật, chim đang ăn bỗng nhiên vụt chạy, vội bay hoảng hốt nếu biết nơi đó không có ta thì hướng nhìn, nơi nhìn của chúng là nơi có thể có địch.

Khi có tiếng động bất thường như tiếng động của cành cây khô, sỏi đá, tiếng va chạm, cọ sát của quần áo hoặc đồ vật kim loại, cây cỏ hoặc chó sủa, tiếng côn trùng, thú vật đang kêu bỗng im bặt thì nơi đó có thể có người đi lại, nếu biết rõ nơi đó không có ta thì đó có thể là địch.

Trước khi chiến đấu hoặc sau trận chiến đấu đã lâu, nếu nghe tiếng súng nổ lẻ tẻ thì đó có thể là có địch. Trong mọi trường hợp, nếu nghe tiếng súng nổ khác nhau liên tục dồn dập thì nơi đó có ta và địch.

Khi thấy dấu vết mẩu tàn thuốc lá, thức ăn thừa rơi vãi của địch còn mới là địch vừa đi qua; nếu dấu vết hoặc thức ăn đã cũ là địch đi đã lâu.

d) Chỉ mục tiêu

Căn cứ vào vật chuẩn: Trường hợp người chỉ huy đã quy định thống nhất các vật chuẩn trên thực địa, khi có mục tiêu xuất hiện phải quan sát, xem xét mục tiêu đó ở gần vật chuẩn nào để chỉ cho người nhận nhanh chóng nhìn thấy mục tiêu. Trường hợp vật chuẩn chưa xác định trước, khi chỉ mục tiêu phải chọn địa hình, địa vật rõ rệt, gần mục tiêu làm chuẩn, rồi dựa vào vật chuẩn đó để chỉ mục tiêu.

Chỉ bằng đạn vạch đường: Ban đêm hoặc trong điều kiện tầm nhìn bị hạn chế có thể dùng đạn vạch đường bắn thẳng về hướng mục tiêu để chỉ cho người nhận.

Khi cần giữ yếu tố bí mật nên vận dụng phương pháp chỉ mục tiêu nào? Tại sao?

II. TRUYỀN TIN LIÊN LẠC, BÁO CÁO

1. Ý nghĩa, yêu cầu

Ý nghĩa: Truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu trong chiến đấu. Để bảo đảm chỉ huy được thông suốt, giữ vững liên lạc, hiệp đồng trong hành quân và chiến đấu giữa người chỉ huy với bộ đội, giữa đơn vị này với đơn vị khác.

Yêu cầu: Nhanh chóng, chính xác, bí mật; nhớ các kí hiệu, ám hiệu đã quy định; tuyệt đối không để nội dung truyền tin, báo cáo rơi vào tay quân địch.

Tại sao nói truyền tin liên lạc, báo cáo là nội dung không thể thiếu trong chiến đấu?

2. Hành động

a) Dùng lời nói

Thường vận dụng trong hành quân, trú quân và làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo.

Trong hành quân: Khi còn xa địch có thể dùng lời nói để truyền tin nhưng phải bảo đảm ngắn gọn, rõ, đủ và chính xác (Hình 9.3); khi gần địch, đến sát người phía sau hoặc trước, nói đủ nghe, hành động phải bí mật. Ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau tiến lên phía trước, truyền tin xong về vị trí của mình.



Hình 9.3. Dùng lời nói truyền tin trong hành quân

Khi làm nhiệm vụ liên lạc, báo cáo: Chiến sĩ nhận các nội dung truyền tin liên lạc, báo cáo từ người chỉ huy phải nắm chắc, nếu chưa rõ phải hỏi lại. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc không tìm thấy người nhận, phải lập tức trở về báo cáo tình hình cho người chỉ huy.

Chú ý: Trong mọi trường hợp, khi bất ngờ gặp địch trên dọc đường hoặc bị không quân, pháo binh địch đánh phá, phải triệt để lợi dụng địa hình, tránh hoả lực địch sát thương, sau đó khéo léo nghi binh, lừa địch tìm đường vòng tránh; nếu không vòng tránh được, phải nhanh chóng nổ súng tiêu diệt địch và lợi dụng lúc rối loạn bất ngờ vượt qua, tìm mọi cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp bị địch bắt, phải tìm mọi cách huỷ, giấu tài liệu, không để tài liệu rơi vào tay quân địch.

b) Dùng kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu

Trong hành quân ban ngày, ở cự li thích hợp, có thể dùng kí hiệu, tín hiệu như tay, mũ để bắt liên lạc, báo cáo tình hình kịp thời (Hình 9.4). Ban đêm, thường sử dụng các ám hiệu như vật phát ra ánh sáng hoặc giả tiếng kêu của một số con vật,... để bắt liên lạc với nhau nhưng từng người phải nắm chắc các kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu đã quy định. Khi nhận được kí hiệu, tín hiệu, ám hiệu phải nhanh chóng chuyển đi ngay.



Hình 9.4. Dùng tay làm tín hiệu dừng lại

Trong chiến đấu, chủ yếu dùng tín hiệu, ám hiệu bằng màu sắc để nhận nhau như đèn pin, pháo hiệu, đốt lửa, vải trắng,... phải hiệp đồng, thống nhất chặt chẽ giữa các bộ phận, tránh nhầm lẫn về kí hiệu, ám hiệu.

Chú ý: Khi gần địch, dùng kí hiệu, ám hiệu phải bảo đảm bí mật, tránh nhầm lẫn.

Tại sao khi truyền tin ban đêm, người phía trước phải lùi lại phía sau, người phía sau phải tiến lên phía trước?

LUYỆN TẬP

Luyện tập hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo.

– Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu, thực hiện động tác, xác định vị trí, cách nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (tại thao trường, bãi tập).

– Luyện tập theo nhóm:

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm

Luyện tập chậm cho đến nhanh dần hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

Bước 2: Tập tổng hợp

Luyện tập nhanh, sát thực tế chiến đấu hành động của chiến sĩ nhìn, nghe, phát hiện địch, chỉ mục tiêu, truyền tin liên lạc, báo cáo (quá trình luyện tập sửa tập cho nhau).

VẬN DỤNG

Khi xảy ra các tình huống khẩn cấp như cháy, nổ,... ở trường học, nơi cư trú,... em sẽ làm gì?

Em có biết?

Anh hùng Kim Đồng (tên thật là Nông Văn Dền) sinh năm 1929 tại làng Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (nay là thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng). Lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, từ nhỏ Kim Đồng đã tiếp xúc với phong trào yêu nước. Năm 1940 – 1941, Kim Đồng được Đảng giác ngộ và giao trách nhiệm đội trưởng Đội Nhi đồng cứu quốc, làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón cán bộ Việt Minh và chuyển thư từ. Trong một lần thực hiện nhiệm vụ, Kim Đồng phát hiện quân Pháp đang tiến tới khu vực có cán bộ của ta đang họp, anh đã nhanh trí đánh lạc hướng địch để bảo vệ đồng đội. Trong quá trình chạy qua suối, anh bị quân Pháp đuổi theo và nổ súng. Kim Đồng đã anh dũng hi sinh ngay bên bờ suối Lê Nin, Cao Bằng, vào ngày 15 tháng 2 năm 1943, khi vừa tròn 14 tuổi. Tấm gương anh dũng của liệt sĩ Kim Đồng được Đảng và Nhà nước ghi công.

(Theo *Kim Đồng – Người chiến sĩ liên lạc trẻ tuổi, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*)

Bài

10 KĨ THUẬT SỬ DỤNG LỰU ĐẠN

Yêu cầu cần đạt đối với học sinh:

* Nêu được tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng;
* Thực hành được động tác đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn.

MỞ ĐẦU

Khi ném lựu đạn, người ném cần căn cứ vào địa hình để vận dụng các động tác ném (đứng ném, quỳ ném, nằm ném) cho phù hợp. Theo em, người ném sẽ vận dụng những động tác ném lựu đạn nào tương ứng với các vật che đỡ trong hình 10.1?



Hình 10.1

KHÁM PHÁ

I. TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CHUYỂN ĐỘNG MỘT SỐ LOẠI LỰU ĐẠN THƯỜNG DÙNG

1. Lựu đạn F-1 Việt Nam

a) Tính năng

Trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ phương tiện chiến tranh của đối phương bằng mảnh gang và sức ép của khí thuốc.

b) Đặc điểm số liệu

- Trọng lượng toàn bộ: 600 g
- Chiều cao toàn bộ: 117 mm
- Đường kính thân lựu đạn: 55 mm
- Trọng lượng thuốc nổ TNT: 60 g
- Thời gian cháy chậm: 3 – 4 giây
- Bán kính sát thương: 20 m

c) Cấu tạo

- Thân lựu đạn: làm bằng gang có khía tạo thành các múi, bên trong nhồi thuốc nổ TNT, cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ.
- Bộ phận gây nổ: để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn. Bộ phận gây nổ gồm:

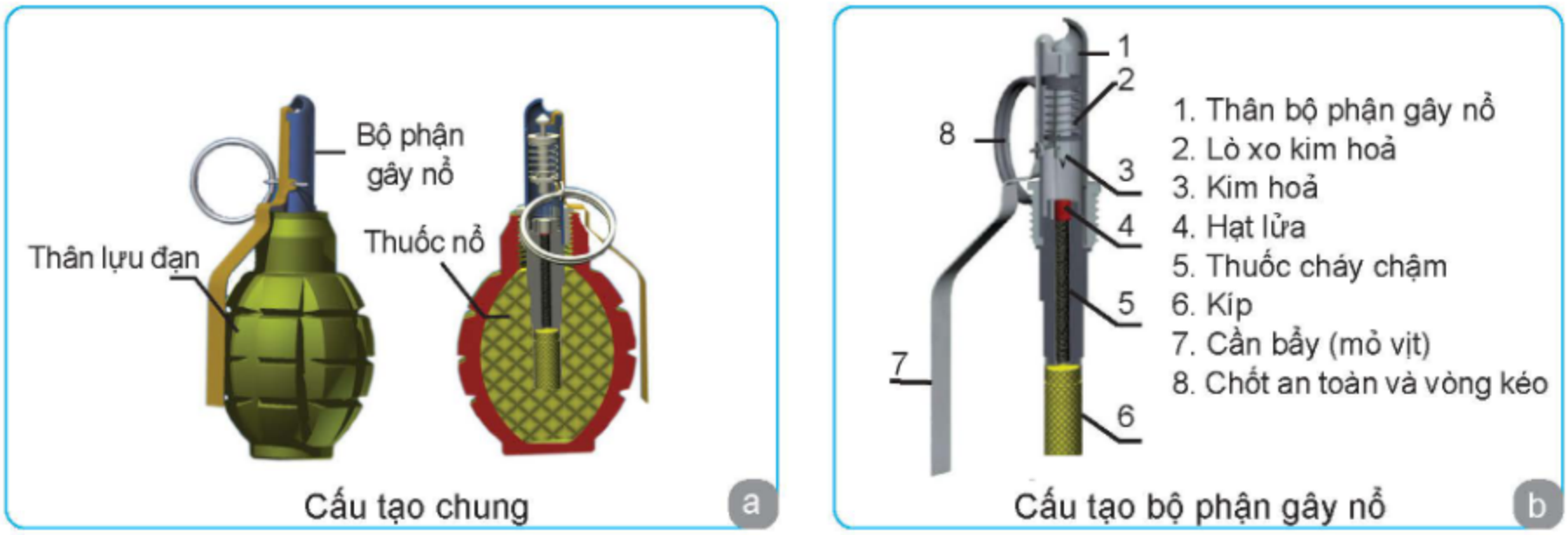
+ Thân bộ phận gây nổ: để chứa đầu cần bẩy (mỏ vịt), kim hoả, lò xo kim hoả và chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

sach-giao-khoa.com

+ Kim hoả và lò xo kim hoả.

+ Hạt lửa, thuốc cháy chậm và kíp.

+ Chốt an toàn và vòng kéo.



Hình 10.2. Lựu đạn F-1 Việt Nam

d) Chuyển động

Lúc bình thường, chốt an toàn giữ không cho cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy giữ đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bị ép lại.

Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẩy bật lên, đầu cần bẩy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra, đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy (từ 3 đến 4 giây) phụt lửa vào kíp làm kíp nổ và gây nổ lựu đạn.

Nêu cấu tạo và chuyển động của lựu đạn F-1 Việt Nam.

2. Lựu đạn LĐ-01 Việt Nam

a) Tính năng

Dùng để sát thương sinh lực địch bằng uy lực của thuốc nổ kết hợp các mảnh văng.

b) Đặc điểm số liệu

- Trọng lượng toàn bộ: 365 – 400 g
- Đường kính thân lựu đạn: 57 mm
- Trọng lượng thuốc nổ: 125 – 135 g
- Bán kính sát thương: 5 – 6 m
- Chiều cao toàn bộ: 88 mm
- Sử dụng ngòi nổ: NLĐ-01 VN
- Thời gian cháy chậm: 3,2 – 4,2 giây

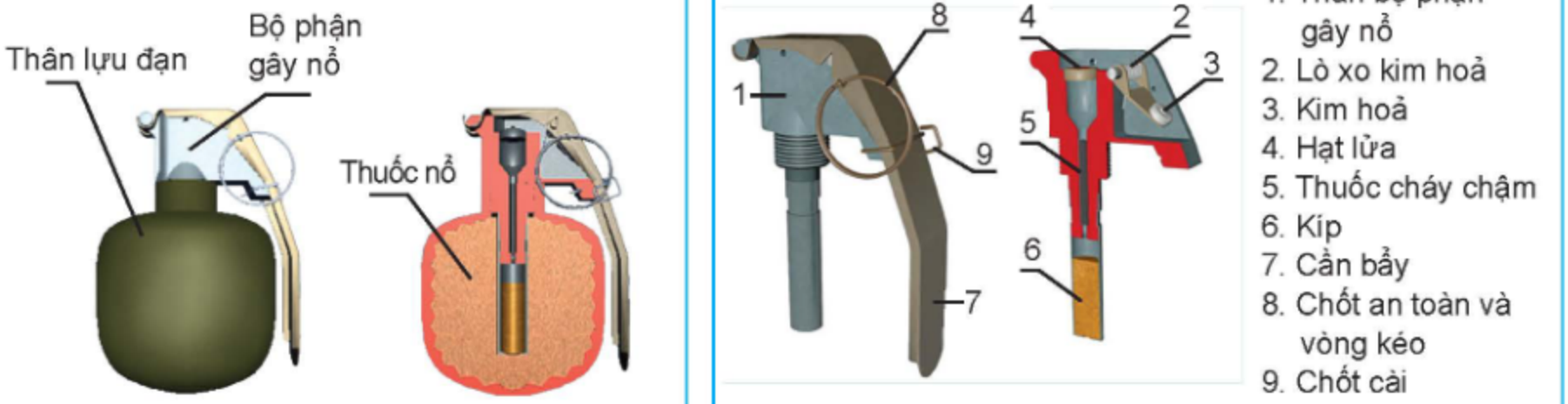
c) Cấu tạo

- Thân lựu đạn: làm bằng thép có bề dày 2,5 mm gồm hai nửa (trên và dưới), mặt trong khía rãnh để tạo nhiều mảnh nổ.
- Bên trong thân được nhồi thuốc nổ, miệng lựu đạn có ống ren để lắp ngòi nổ. Lựu đạn được sơn màu xanh quân sự.
- Bộ phận gây nổ:

+ Thân bộ phận gây nổ: để lắp cần bẩy (mỏ vịt), kim hoả, lò xo kim hoả và chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

sach-giao-khoa.com

+ Kim hoả và lò xo kim hoả.
+ Hạt lửa, thuốc cháy chậm và kíp.
+ Chốt an toàn và vòng kéo.



Hình 10.3. Lựu đạn LĐ-01 Việt Nam

d) Chuyển động

Lúc bình thường, kim hoả nằm ngửa được mặt trên của cần bẩy ép chặt. Cần bẩy được giữ chặt với thân ngòi bằng chốt an toàn, chốt cài, vòng kéo để giữ an toàn trong quá trình bảo quản, vận chuyển.

Khi rút chốt an toàn, cần bẩy bung ra, kim hoả được giải phóng đập vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy thuốc cháy chậm, thuốc cháy chậm cháy (từ 3,2 đến 4,2 giây), lửa phụt vào kíp làm kíp nổ và gây nổ lựu đạn.

Chú ý: Học sinh khi sử dụng lựu đạn cần nắm chắc tính năng, cấu tạo của lựu đạn; thành thạo động tác sử dụng lựu đạn; kiểm tra chất lượng lựu đạn, khởi động kĩ các khớp và chấp hành nghiêm quy định của giáo viên khi luyện tập ném lựu đạn. Sau khi sử dụng cần, bảo quản và cất giữ lựu đạn đúng quy định.

sách-giáo-khoa.com

Nêu cấu tạo và chuyển động của lựu đạn LĐ-01 Việt Nam.

II. ĐỘNG TÁC NÉM LỰU ĐẠN

1. Đứng ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Đứng ném lựu đạn thường được dùng trong trường hợp địch ở xa, địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực, có thể đứng tại chỗ ném hoặc ném khi đang vận động.



Hình 10.4. Tư thế xách súng

b) Động tác

Người ném đang vận động hoặc đứng tại chỗ xách súng (nếu mang súng phải chuyển về tư thế xách súng (Hình 10.4) đồng thời thực hiện ba cử động (vận dụng đối với cả động tác quỳ, nằm ném lựu đạn):

Cử động 1: Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp lót tay) xách súng lên ngang tầm thắt lưng, mũi súng chếch lên trên (Hình 10.5a). Tay phải lấy lựu đạn ra (Hình 10.5b), bàn tay

phải nắm lựu đạn (cần bẩy nằm trong lòng bàn tay) vòng giật chốt an toàn quay sang trái, tay trái bẻ thẳng chốt an toàn, ngón trỏ móc vào vòng kéo (Hình 10.5c), kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn, phải rút thẳng theo hướng trục lỗ.



Hình 10.5. Đứng ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiễng), người hơi cúi về phía trước, chân trái chùng, chân phải thẳng (Hình 10.6).



Hình 10.6. Đứng ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng (Hình 10.7a, b). Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buông lựu đạn ra, đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng (Hình 10.7c). Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.



Hình 10.7. Đứng ném lựu đạn – Cử động 3

Chú ý: Người ném thuận tay trái thì làm ngược lại; muốn ném được xa phải biết phối hợp sức bật của chân, sức rướn của thân người, sức vút mạnh và đột nhiên của cánh tay; khi vung lựu đạn về phía trước, phải giữ cánh tay ở độ cong, độ chùng tự nhiên (không thẳng hẳn cũng không cong quá) mới có sức vút mạnh, buông lựu đạn đi phải đúng thời cơ, đúng góc ném, đúng hướng.

Quan sát các hình từ 10.5 – 10.7, đọc thông tin và thực hiện động tác đứng ném lựu đạn.

2. Quỳ ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Khi ở gần địch và địa hình hạn chế (chiều cao vật che đỡ 60 – 80 cm) vận dụng tư thế quỳ ném lựu đạn.

b) Động tác

Cử động 1: Tay phải xách súng, chân trái bước chếch sang phải một bước (gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20 – 30 cm), sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải (Hình 10.8).



Hình 10.8. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Dùng mũi bàn chân phải làm trụ xoay gót lên cho bàn chân hợp với hướng ném một góc khoảng 90°, quỳ gối phải xuống đất theo hướng bàn chân phải, mông bên phải ngồi lên gót bàn chân phải, ống chân trái thẳng đứng, súng dựa vào cẳng tay trái, mặt súng quay vào phía thân người (Hình 10.9a). Tay phải lấy lựu đạn ra (Hình 10.9b), bàn tay phải cầm lựu đạn (như động tác đứng ném).



Hình 10.9. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Tay trái cầm súng, báng súng quay sang trái, nòng súng chếch lên trên sang phải, tay trái rút chốt an toàn (Hình 10.10a), dùng mũi bàn chân làm trụ xoay người về phía phải, hơi ngả về sau, đồng thời gối phải theo đà xoay theo, mông hơi nhổm lên. Tay phải đưa lựu đạn qua phải về sau để lấy đà, đồng thời dùng sức vút của cánh tay phải, sức rướn của thân người và sức bật của đùi phải ném lựu đạn vào mục tiêu (Hình 10.10b, c).



Hình 10.10. Quỳ ném lựu đạn – Cử động 3

Quan sát các hình từ 10.8 – 10.10, đọc thông tin và thực hiện động tác quỳ ném lựu đạn.

3. Nằm ném lựu đạn

a) Trường hợp vận dụng

Khi gần địch và địa hình trống trải không có hoặc chiều cao vật che đỡ thấp (cao không quá 40 cm) thì vận dụng tư thế nằm ném.

b) Động tác

Cử động 1: Tay phải xách súng, chân phải bước lên một bước dài theo hướng bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người hướng theo hướng bàn chân phải (Hình 10.11a), chống bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải khoảng 20 cm, mũi bàn tay hướng chếch về bên phải phía sau (Hình 10.11b), thứ tự đặt cẳng tay trái, đùi trái xuống đất và nằm xuống (Hình 10.11c, d).



Hình 10.11. Nằm ném lựu đạn – Cử động 1

Cử động 2: Tay phải đặt súng sang bên phải, hộp tiếp đạn quay sang trái, đầu nòng súng hướng về phía mục tiêu (Hình 10.12a), thân người hơi nghiêng sang trái, hai tay lấy lựu đạn ra, tay phải cầm lựu đạn, tay trái rút chốt an toàn (Hình10.12b, c).





Hình 10.12. Nằm ném lựu đạn – Cử động 2

Cử động 3: Hai tay chống trước ngực, mũi bàn chân trái và đầu gối trái làm trụ, vừa nâng vừa đẩy người là là mặt đất về sau, cẳng chân trái để nguyên, chân phải duỗi thẳng tự nhiên và lùi về sau tới khi gối trái thành thế co ngang thắt lưng (Hình 10.13a, b). Tay phải đưa lựu đạn sang phải về sau hết cỡ, tay trái đẩy nửa thân người phía trên xoay theo, chân phải theo đà xoay theo, thân người hơi cong về sau (Hình 10.13c), đồng thời dùng sức vút của tay phải, sức bật của thân người và sức đẩy của chân trái ném lựu đạn vào mục tiêu (Hình 10.13d) và nằm xuống, ném tiếp quả khác hoặc lấy súng tiếp tục bắn hoặc tiến.



Hình 10.13. Nằm ném lựu đạn – Cử động 3

Chú ý: Khi ném lựu đạn phải kết hợp sức vút của tay và sức bật của người để ném được xa, đồng thời chân phải xoay theo trục hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng. Không được quỳ gối lên rồi mới ném lựu đạn vì tư thế cao dễ bị lộ.

LUYỆN TẬP

Luyện tập động tác ném lựu đạn.

- Luyện tập cá nhân:

Từng người tự nghiên cứu động tác, tập trung vào động tác lấy lựu đạn, cầm lựu đạn, vung lựu đạn, sức bật của chân, sức vút của tay, thời cơ buông lựu đạn,...

- Luyện tập theo nhóm

Luân phiên ở cương vị trưởng nhóm chỉ huy nhóm luyện tập theo các bước:

Bước 1: Tập chậm: Tập chậm từng cử động động tác ném lựu đạn; vừa tập vừa sửa tập.

Bước 2: Tập tổng hợp: Tập liên kết các cử động động tác ném lựu đạn từ chậm đến nhanh sát điều kiện ném.

Chú ý:

- Phải khởi động trước khi luyện tập ném lựu đạn.
- Khi luyện tập nhanh (có ném lựu đạn) phải có người phục vụ (đọc điểm rơi và nhặt lựu đạn).

VẬN DỤNG

Trường em tổ chức Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh, em được chọn tham gia thi nội dung ném lựu đạn xa, trúng đích. Em vận dụng kiến thức đã học như thế nào để ném lựu đạn trúng mục tiêu?

Em có biết?

Anh hùng Võ Thị Sáu ném lựu đạn diệt giặc

Võ Thị Sáu là đội viên của Công an xung phong Đất Đỏ, nổi bật với sự dũng cảm và mưu trí. Chị đã nhiều lần sử dụng lựu đạn để ám sát sĩ quan Pháp và bọn tay sai khiến chúng sợ khiếp vía. Trong một buổi mít tinh kỉ niệm Quốc khánh Pháp, chị kiên nhẫn chờ thời cơ. Khi xe của tên tỉnh trưởng vừa đến, chị bất ngờ ném lựu đạn về phía khán đài (khu vực không có quần chúng) nhằm uy hiếp địch và giải tán mít tinh. Trong một dịp khác, chị tiếp tục sử dụng lựu đạn làm tên cai tổng Tòng (một tên tay sai khét tiếng, gây ra nhiều tội ác với dân chúng) bị thương nặng. Đặc biệt, vào tháng 2/1950, chị Sáu đã ném lựu đạn tiêu diệt hai tên chỉ điểm là cả Suốt và cả Đay cùng đám lính ngay tại chợ. Anh hùng Võ Thị Sáu sử dụng lựu đạn diệt giặc cho thấy lựu đạn là loại vũ khí dễ sử dụng, có khả năng tạo yếu tố bất ngờ và hiệu quả ở cự li gần khiến địch không kịp đối phó. Để phát huy tác dụng, tính năng của lựu đạn trong chiến đấu, người sử dụng cần: dũng cảm, linh hoạt, bí mật, bất ngờ, chính xác.

(Theo *Võ Thị Sáu – Nữ anh hùng Đất Đỏ, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*)

Bảng giải thích một số thuật ngữ

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang *
Cấp tỉnh	Đơn vị hành chính trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	13
Cấp xã	Đơn vị hành chính trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, bao gồm xã, phường, đặc khu.	12
Công tác cơ yếu	Hoạt động cơ mật đặc biệt, thuộc lĩnh vực an ninh quốc gia.	13
Hạ sĩ quan	Công dân đang phục vụ trong lực lượng thường trực hoặc trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân và lực lượng Cảnh sát biển; hoặc thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, được phong, thăng cấp bậc hàm Thượng sĩ, Trung sĩ, Hạ sĩ.	13
Khu vực phòng thủ	Bộ phận hợp thành phòng thủ quân khu, bao gồm các hoạt động về chính trị, tinh thần, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học, công nghệ, quân sự, an ninh, đối ngoại; được tổ chức theo địa bàn cấp tỉnh, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt, lấy xây dựng phòng thủ khu vực, xây dựng cấp xã làm nền tảng để bảo vệ địa phương.	30
Nguỵ trang	Phương pháp thay đổi ngoại hình, hình dáng của một vật để nó trở nên lẫn vào môi trường xung quanh.	51
Quan trắc (Quan trắc môi trường)	Việc theo dõi liên tục, định kì, đột xuất có hệ thống về thành phần môi trường, các nhân tố tác động đến môi trường, chất thải nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng môi trường, diễn biến chất lượng môi trường và tác động xấu đến môi trường.	27
Tại ngũ	Đang công tác trong quân đội hoặc công an.	11
Tập chậm	Tập chậm lần lượt từng cử động, từng yếu lĩnh đến toàn bộ động tác, vừa tập vừa rút kinh nghiệm, tự phát hiện sai sót, sửa tập và tập nhiều lần cho đúng.	45
Tập tổng hợp	Tập liên kết các cử động để hoàn chỉnh, thành thạo động tác.	45
Vọng quan sát	Nơi bố trí để làm nhiệm vụ quan sát.	33

* Trang sách có thuật ngữ xuất hiện lần đầu.

sách giáo khoa

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM VĨNH THÔNG – NGUYỄN THỊ HÀ
Biên tập tái bản: LÊ THUỲ TRANG
Biên tập mĩ thuật: BÙI QUANG TUẤN
Thiết kế sách: TẠ XUÂN PHƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI QUANG TUẤN
Sửa bản in: LÊ THUỲ TRANG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11

Mã số: G3HHYP001a26
In .....bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26.5cm
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/261-09/GD
Số QĐXB: /QĐ – GD – HN ngày ..... tháng ..... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 20....
Mã số ISBN: 978-604-0-35132-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 11 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35132-6

9 786040 351326

Giá: 9.500 đ